



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Năm báo cáo 2015



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Năm báo cáo 2015



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
- Giấy CNĐKKD số: 0103013382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 06/09/2006.
- Vốn điều lệ: 2.025.000.000.000 (hai nghìn không trăm hai mươi lăm tỷ) đồng
- Vốn đầu tư của CSH: 2.025.000.000.000 (hai nghìn không trăm hai mươi lăm tỷ) đồng
- Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại: 04 37726868
- Số fax: 04 37726131
- Website: www.kls.vn
- Mã cổ phiếu: KLS

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS) chính thức thành lập vào ngày 01/08/2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103013382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/08/2006 với vốn điều lệ là 18.000.000.000 (mười tám tỷ) đồng.

Ngày 06/10/2006, KLS được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán.

Với mục tiêu phát triển thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, Ban lãnh đạo cũng như toàn thể nhân viên KLS đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vì sự phát triển Công ty. Từ một công ty chứng khoán với quy mô nhỏ, sau hơn 06 tháng hoạt động, KLS đã nhanh chóng thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và tăng mức vốn điều lệ lên 315 tỷ đồng. Với mức vốn điều lệ này, Công ty có đủ điều kiện để thực hiện toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Vị thế của KLS được khẳng định rõ nét hơn khi cổ phiếu KLS chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 28/01/2008 và là một trong những cổ phiếu có tính thanh khoản nhất trên HNX, điều đó cho thấy KLS nhận được nhiều sự quan tâm của khách hàng và giới đầu tư trên thị trường. Cũng trong năm 2008, KLS khai trương chi nhánh tại TP.HCM, đây là một bước tiến quan trọng để thâm nhập và mở rộng thị phần trên thị trường miền Nam.

Năm 2009, KLS tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.000 tỷ đồng, đưa KLS trở thành một trong năm công ty chứng khoán có mức vốn điều lệ lớn nhất tại Việt Nam. Tháng 5 năm 2010, KLS tiếp tục khẳng định là một trong những Công ty Chứng khoán có mức vốn điều lệ lớn nhất thị trường sau khi chính thức tăng vốn điều lệ lên 2.025 tỷ đồng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Cho đến nay, sau hơn 9 năm đi vào hoạt động, KLS ngày càng khẳng định uy tín, thương hiệu của mình trên TTCK Việt Nam và nhận được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư trên thị trường, cổ phiếu KLS luôn là một trong những cổ phiếu thanh khoản nhất trên thị trường.

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng:

10/2006	KLS được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo QĐ 18/UBCK-GPHDKD với số vốn điều lệ 18.000.000.000 đồng và 4 nghiệp vụ chính: Môi giới; Tự doanh; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
11/2006	KLS được công nhận là thành viên của SGDCK TP. HCM và SGDCK Hà Nội.
04/2007	KLS chính thức hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 315.000.000.000 đồng.
05/2007	KLS bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành và hoạt động với đầy đủ 5 nghiệp vụ chính.
08/2007	KLS thực hiện đăng ký Công ty đại chúng với UBCKNN.
12/2007	KLS thay đổi trụ sở chính của Công ty: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.
01/2008	Phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu KLS trên SGDCK Hà Nội.
05/2008	KLS chính thức tăng vốn điều lệ của công ty lên 503.630.600.000 đồng.
08/2008	KLS thành lập Chi nhánh tại TPHCM đặt tại 384 Hoàng Diệu - Q4 - TPHCM.
02/2009	KLS hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 600.000.000.000 đồng.
07/2009	KLS thay đổi trụ sở CNTPHCM đặt tại Lầu 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P6, Q3, HCM.
07/2009	KLS tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 660.000.000.000 đồng.
11/2009	KLS hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 890.999.980.000 đồng.
12/2009	KLS chính thức tăng vốn điều lệ lên 1.000.000.000.000 đồng.
05/2010	KLS chính thức tăng vốn điều lệ lên 2.025.000.000.000 đồng.
05/2010	KLS triển khai dịch vụ Giao dịch chứng khoán trực tuyến.
07/2010	Nhận bằng khen của UBCKNN số 553/QĐ-UBCK về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán.
03/2012	ĐHĐCĐ KLS đã bầu HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017.
07/2012	Cổ phiếu KLS được đưa vào danh mục cổ phiếu để tính chỉ số HNX30.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

2/2013	KLS hoàn thành việc mua 4.000.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, số lượng cổ phiếu quỹ sau khi thực hiện giao dịch là 4.100.000 cổ phiếu
8/2013	KLS hoàn thành việc mua 16.150.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, số lượng cổ phiếu quỹ sau khi thực hiện giao dịch là 20.250.000 cổ phiếu
1/2014	Mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ trên nền tảng quản lý tự động bằng hệ thống phần mềm, cung cấp cho khách hàng dịch vụ tài chính đa dạng hơn, tăng hiệu quả sử dụng các nguồn vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn hoạt động.
9/2015	Tái cấu trúc mảng môi giới và dịch vụ khách hàng nhằm thúc đẩy hoạt động môi giới và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Chuẩn bị tốt nhân sự, công nghệ để triển khai các sản phẩm môi giới mới của thị trường (giao dịch trong ngày, giao dịch tạo lập thị trường...)

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - ☞ Môi giới chứng khoán;
 - ☞ Tự doanh chứng khoán;
 - ☞ Bảo lãnh phát hành;
 - ☞ Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính;
 - ☞ Lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

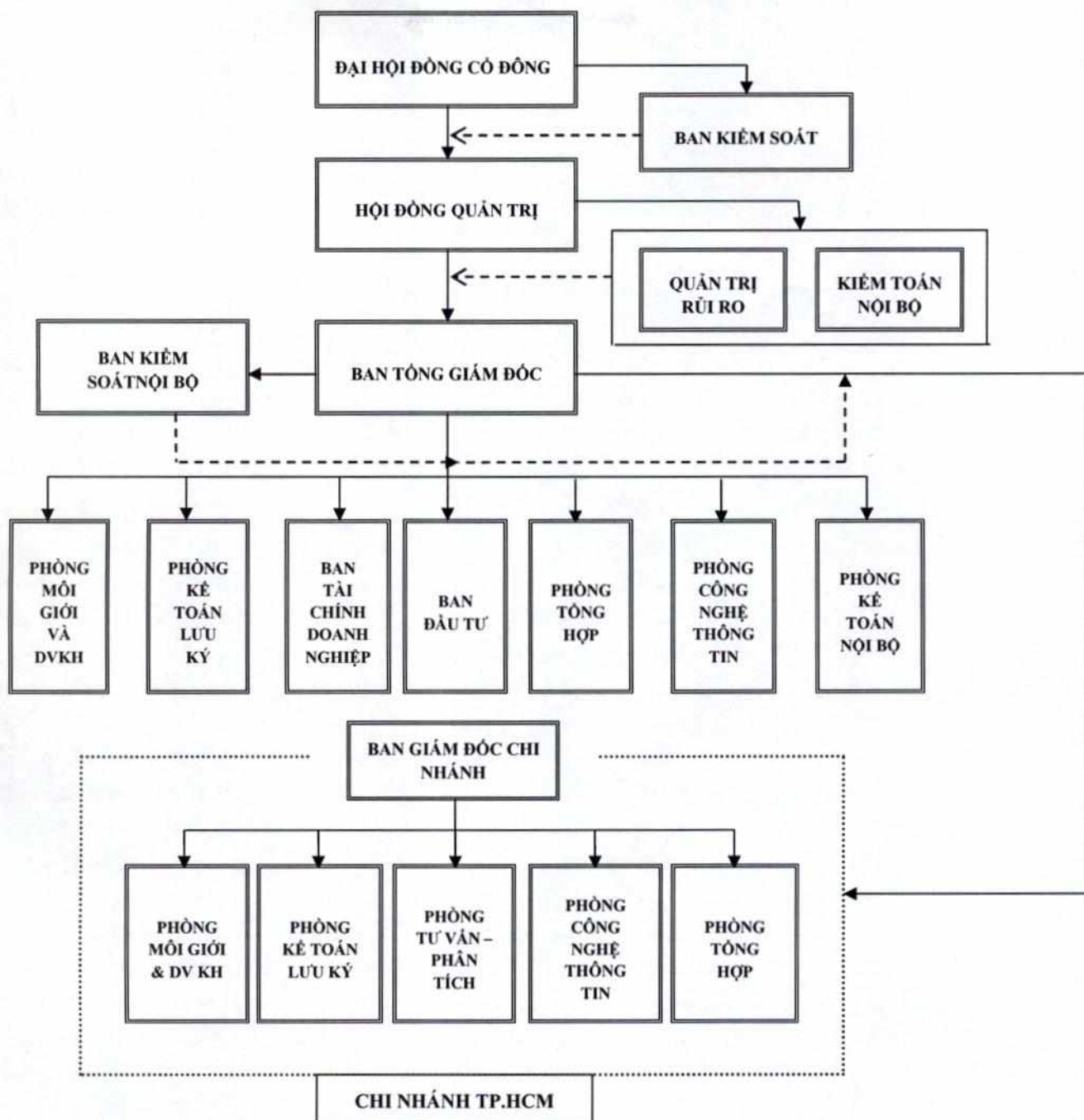
- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội Đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: không có.

5. Định hướng phát triển

Với mức vốn điều lệ tương đối lớn, 2.025 tỷ đồng, đứng thứ 3 trong danh sách những công ty chứng khoán có quy mô lớn nhất tại Việt Nam, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long xác định mục tiêu phát triển thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam và mô hình hoạt động là một ngân hàng đầu tư năng động và hiện đại sẽ là định hướng lâu dài cho sự phát triển của Công ty.

6. Các rủi ro

Năm 2015 nền kinh tế tiếp tục chuyển biến tích cực, tăng trưởng kinh tế ước tính đạt 6,68%, vượt mục tiêu đề ra (6,2%); lạm phát thấp (chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 0,63% so với bình quân năm 2014); tín dụng tăng trưởng khá; sản xuất công nghiệp duy trì đà tăng trưởng... Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầu tư hấp dẫn của dòng vốn FDI nhờ sự cải thiện của môi trường đầu tư và kinh doanh song hành với việc ký kết các Hiệp định thương mại tự do FTA có tầm ảnh hưởng lớn. Lãi suất được duy trì giúp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Bên cạnh những điểm sáng trong bức tranh kinh tế 2015, một trong những thách thức trong điều hành kinh tế năm qua là tỷ giá chịu tác động mạnh và đột ngột của việc đồng nhân dân tệ phá giá, đồng đô la tăng giá và áp lực thâm hụt thương mại.

Năm 2015 là một năm nhiều biến động với thị trường chứng khoán Việt Nam khi có nhiều sự kiện quốc tế cũng như nội địa ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường xảy ra. Chốt phiên ngày 31/12, chỉ số Vnindex đóng cửa ở mức 579,02 điểm, tăng 6,1% so với đầu năm, thấp hơn mức tăng 8,1% của năm 2014. Tính đến cuối năm 2015, mức vốn hóa thị trường đạt khoảng 1.325 nghìn tỷ đồng, tăng 14,62% so với năm 2014 và tương đương 34% GDP¹. Tỷ lệ này đã cải thiện so với một số năm trước tuy nhiên so với mục tiêu 70% GDP vào năm 2020 trong Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2011 – 2020 thì còn ở khoảng cách khá xa.

Trong năm 2015, hoạt động tái cấu trúc công ty chứng khoán (CTCK) tiếp tục được thúc đẩy. Đến nay, có 81 CTCK hoạt động bình thường, giảm khoảng 23% tổng số CTCK. Các CTCK đã nâng cao hơn về quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật ngày càng tốt hơn, dịch vụ cho khách hàng ngày càng được cải thiện đảm bảo các phiên giao dịch được vận hành suôn sẻ².

Đối với các quỹ đầu tư chứng khoán, trong năm 2015, UBCKNN tiếp tục cấp phép thành lập 02 quỹ mở, 03 quỹ thành viên, chấp thuận cho 1 quỹ bất động sản đầu tiên. Tính tới nay, thị trường có 30 quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó có 2 quỹ ETF, 17 quỹ mở và 10 quỹ thành viên, 01 quỹ đầu tư bất động sản REITs. Nhận định của lãnh đạo UBCKNN khẳng định, sau 3 năm thực hiện đề án tái cấu trúc, số lượng quỹ đại chúng tăng lên nhanh chóng, sản phẩm quỹ mở đã thay thế hoàn toàn quỹ đóng với mô hình hiện đại, minh bạch hơn, được giám sát bởi hệ thống ngân hàng giám sát và bảo vệ lợi ích nhà đầu tư tốt hơn.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2015 cũng phát sinh nhiều yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến sự phát triển của TTCK như giá dầu quốc tế giảm mạnh, Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ, FED điều chỉnh lãi suất sau gần một thập kỷ, Trên cơ sở đánh giá một cách hệ thống, KLS nhận thấy các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như sau:

▪ Rủi ro hoạt động:

Đây là rủi ro có thể phát sinh từ các nhân tố như đội ngũ nhân viên, hệ thống công nghệ của công ty, các tác động khách quan khác. Trong đó có một số trường hợp như nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng hay của công ty để rút tiền, đặt nhầm lệnh, ... Rủi ro này có thể gây tổn thất về uy tín và tài sản của Công ty.

KLS luôn ưu tiên và đẩy mạnh việc kiểm soát rủi ro hoạt động bằng việc thực hiện kết hợp các chính sách bao gồm: (1) Đầu tư hệ thống máy móc và phần mềm giao dịch hiện đại phục vụ cho

¹Báo cáo tại Hội nghị tổng kết năm 2015 và chương trình công tác năm 2016 của Chủ tịch UBCK NN.

² <http://tapchitaichinh.vn/thi-truong-tai-chinh/chung-khoan/thi-truong-chung-khoan-nam-2015-diem-sang-thu-hut-dong-von-gian-tiep-74031.html>

các nhà đầu tư và hoạt động đầu tư của Công ty, (2) Khuyến khích hình thức giao dịch điện tử có mức độ an toàn cao, hạn chế các kẽ hở giao dịch, (3) Thường xuyên đào tạo, nâng cao nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ nhân viên, (4) Ban hành Quy trình, quy chế Quản trị rủi ro nhằm phân tích, đánh giá, đo lường và xử lý rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động. Nhờ vậy, rủi ro hoạt động của KLS được kiểm soát chặt chẽ. Trong năm 2015, KLS không để xảy ra trường hợp nào liên quan đến gian lận của nhân viên đối với các giao dịch tiền mặt và chứng khoán của khách hàng, các trường hợp đặt lệnh bị lỗi đều được khắc phục ngay sau khi phát sinh.

▪ **Rủi ro tín dụng:**

Đây là rủi ro trong trường hợp Công ty không thu được nợ hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Rủi ro này nảy sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ ký quỹ (margin) cho khách hàng, Công ty có thể phải chấp nhận khoản lỗ lớn vì nắm giữ một lượng lớn cổ phiếu thị giá thấp hơn giá gốc khi khách hàng chối bỏ trách nhiệm nộp thêm tiền vào tài khoản.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán khó khăn hiện nay, giao dịch ký quỹ là một công cụ để cạnh tranh và hỗ trợ cho cuộc chạy đua giành thị phần môi giới của các công ty chứng khoán. Trong năm 2015, theo chính sách của công ty, Phòng giao dịch tiếp tục thực hiện triển khai mở rộng đối tượng sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, với mục tiêu cân trọng, an toàn và tránh rủi ro, Công ty chỉ triển khai áp dụng cho một số lượng khách hàng nhất định. Tính đến 31/12/2015, số lượng tài khoản đăng ký sử dụng tăng thêm 51 tài khoản với mức dư nợ ký quỹ bình quân khoảng 16,25 tỷ đồng/ngày, tiền lãi thu được từ việc cho vay ký quỹ đạt hơn 1,97 tỷ đồng. Trong năm 2015, nghiệp vụ giao dịch ký quỹ không phát sinh trường hợp nào phải bán chứng khoán của khách hàng để thu nợ, kể cả thời điểm thị trường xấu nhất tỷ lệ ký quỹ vẫn ở mức an toàn, trên mức tỷ lệ cảnh báo của Công ty (35%).

▪ **Rủi ro thanh toán:**

Đây là rủi ro xuất phát từ việc Công ty bị thiếu hụt số dư tiền hay chứng khoán trên tài khoản để thanh toán cho các giao dịch trong ngày. Rủi ro này phát sinh khi Công ty cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà chưa đặt nặng yêu cầu quản trị rủi ro nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán; cũng có trường hợp công ty muốn gia tăng lợi nhuận trong khi nguồn tài chính hạn hẹp bằng cách vay vốn ngân hàng phục vụ hoạt động cho vay ký quỹ, trường hợp này rủi ro của Công ty sẽ lớn hơn do sử dụng đòn bẩy tài chính.

Đối với KLS, do có chính sách thận trọng trong kinh doanh, hạn chế cung cấp các dịch vụ tài chính ẩn chứa nhiều rủi ro cho nhà đầu tư mở tài khoản tại Công ty nên vấn đề rủi ro thanh toán được hạn chế tối đa. Cùng với đó, năng lực tài chính mạnh của KLS cũng đảm bảo việc không phát sinh rủi ro thanh toán. Trong năm 2015, tại KLS không phát sinh trường hợp tài khoản giao dịch của khách hàng không rút được tiền, bị phong tỏa do ký quỹ hay các hình thức hạn chế khác.

▪ **Rủi ro của thị trường:**

Khi thanh khoản của toàn thị trường biến động bất thường và đột ngột thì rủi ro cho tất cả các

CTCK là rất lớn với nghiệp vụ tự doanh, cho vay ký quỹ, các dịch vụ hỗ trợ tài chính khác cho nhà đầu tư giao dịch. Trong năm 2015, với những tác động từ yếu tố bên ngoài (tình hình Biển Đông, giá dầu thế giới giảm mạnh,..) đã tác động không nhỏ đến thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán năm 2015 cũng đạt được nhiều kết quả khả quan: Tổng giá trị huy động vốn qua TTCK năm 2015 ước đạt hơn 300 nghìn tỷ đồng, trong đó, huy động vốn qua đấu thầu trái phiếu đạt hơn 249 nghìn tỷ đồng và phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phần hóa đạt gần 55 nghìn tỷ đồng. Quy mô huy động vốn qua TTCK đáp ứng khoảng 28% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tương đương gần 60% so với cung tín dụng qua thị trường tiền tệ - tín dụng. Điều này cho thấy TTCK đang ngày càng trở thành một kênh huy động vốn quan trọng cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, góp phần từng bước hình thành một hệ thống tài chính hiện đại trên nền tảng hài hòa giữa TTCK và thị trường tiền tệ - tín dụng.

Năm 2015, tình hình niêm yết phát triển rất khả quan. Theo số liệu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tính riêng trong năm 2015 đã có 47 công ty niêm yết mới và thực hiện 253 đợt niêm yết bổ sung cho các doanh nghiệp trên 2 Sở; có 33 công ty hủy niêm yết. Đồng thời, thực hiện đăng ký giao dịch mới cho 72 công ty trên UPCoM (*gấp 2 lần so với năm 2014*) nâng tổng số mã cổ phiếu giao dịch lên 243 mã với tổng giá trị là 47.574 tỷ đồng, tăng 97% so với năm 2014.

Tổng giá trị niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ là 528 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2014 và 571 mã trái phiếu với tổng giá trị niêm yết là 709 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cuối năm 2014. Thống kê của UBCKNN cho thấy, trong năm 2015, mức vốn hóa thị trường hơn 1.325 nghìn tỷ đồng, tương đương 34% GDP; Quy mô giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 4.964 tỷ đồng, trong đó, giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ bình quân đạt 2.495 tỷ đồng/phiên, giao dịch trái phiếu đạt 2.470 tỷ đồng/phiên

Năm 2015 chứng kiến nhiều động thái tiêu cực của khối ngoại trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam do những biến động xấu của kinh tế vĩ mô thế giới (*Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ, giá dầu thế giới giảm mạnh, Fed nâng lãi suất lần đầu tiên sau 10 năm, ...*). So với giá trị giao dịch bùng nổ của khối ngoại trong năm 2014, năm 2015 giá trị mua ròng của các nhà đầu tư nước ngoài đã có sự sụt giảm đáng kể với giá trị mua ròng chỉ đạt 3.004 tỷ đồng trên cả hai sàn HSX và HNX, giảm 20% so với năm 2014 và là mức mua ròng thấp nhất kể từ năm 2012. Tuy nhiên, số lượng nhà đầu tư nước ngoài đăng ký mở tài khoản chứng khoán tại Việt Nam trong năm 2015 vẫn tiếp tục tăng so với những năm trước đó. Cụ thể, năm 2015, VSD đã cấp mã số giao dịch chứng khoán cho 745 nhà đầu tư cá nhân, tăng 42,72% so với năm trước (*552 mã số*) và 292 nhà đầu tư là tổ chức, giảm 7,89% so với năm trước đó (*317 mã số*)³. Lũy kế đến ngày 31/12/2015, VSD đã cấp mã số giao dịch chứng khoán cho 18.607 nhà đầu tư nước ngoài trong đó có 2.879 nhà đầu tư tổ chức và 15.728 nhà đầu tư cá nhân.

Có thể thấy, rủi ro thị trường là rủi ro do sự không ổn định, biến động bất thường của thị trường, đây là rủi ro không thể loại bỏ hoàn toàn được và có tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, do vậy để hạn chế rủi ro này, KLS đã tích cực xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên sâu về phân tích, dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả.

³ <http://tinnhanhchungkhoan.vn/chung-khoan/nam-2015-hon-1000-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-duoc-cap-ma-so-giao-dich-140241.html>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

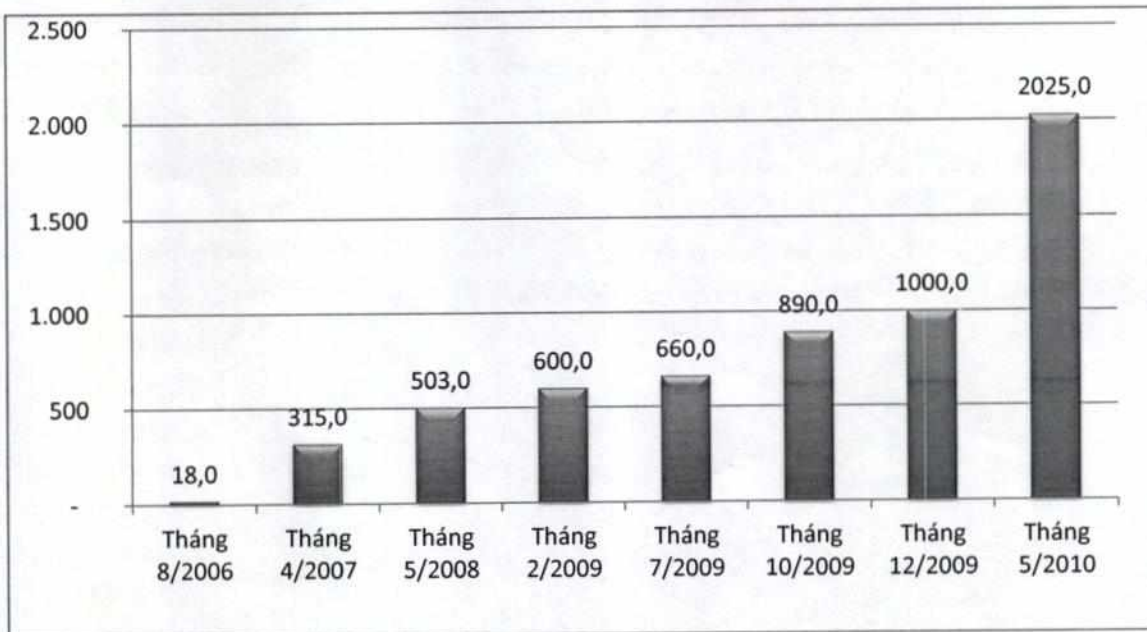
▪ **Rủi ro tuân thủ:**

Đây là rủi ro liên quan đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên TTCK. Trong quá trình hoạt động, tất cả các CTCK cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống. Nếu một số CTCK bất chấp quy định chưa cho phép mà vẫn cho ra đời những sản phẩm dịch vụ thì có thể gây ra tổn thất nặng nề hoặc gây ra các tranh chấp pháp lý mà phần thiệt thòi có thể thuộc về các CTCK. Mặt khác, với sự phát triển của thị trường, nếu hành lang pháp lý để điều tiết được ban hành quá chậm cũng gây ra những khó khăn, lúng túng trong việc triển khai hoạt động kinh doanh cho các CTCK.

Trong năm 2015, rất nhiều các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của thị trường chứng khoán, công ty chứng khoán được UBCKNN, các Sở Giao dịch, các Cơ quan quản lý ban hành. KLS luôn luôn cập nhật các văn bản pháp lý, chỉ đạo các phòng ban, nhân viên trong công ty thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh****▪ Quy mô vốn của Công ty:**

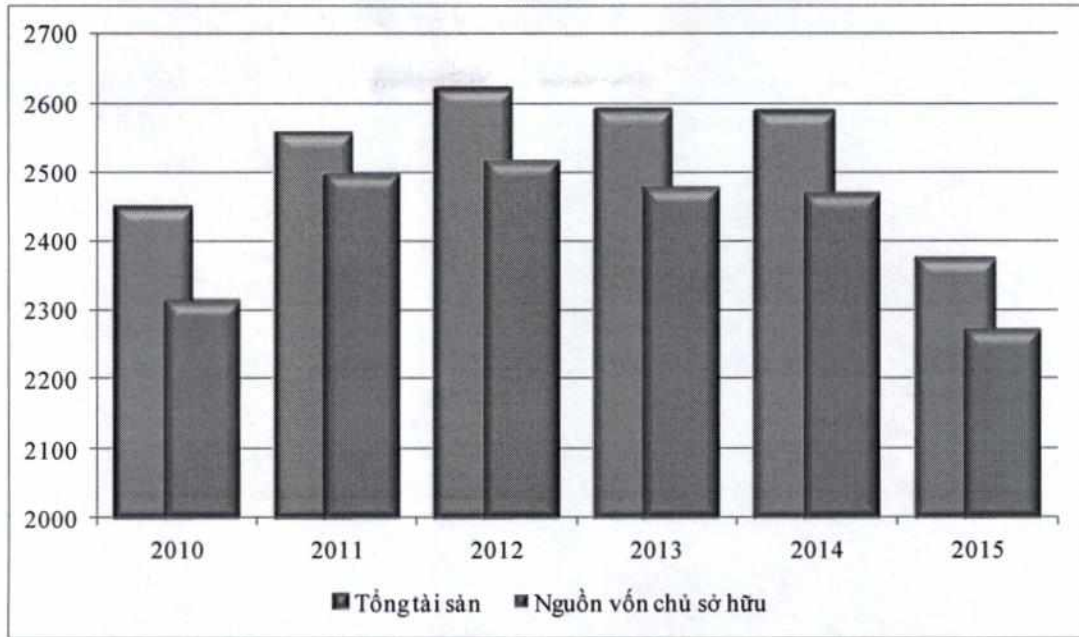
Biểu đồ quá trình tăng trưởng vốn điều lệ của KLS được thể hiện qua biểu đồ sau:



(Nguồn: KLS)

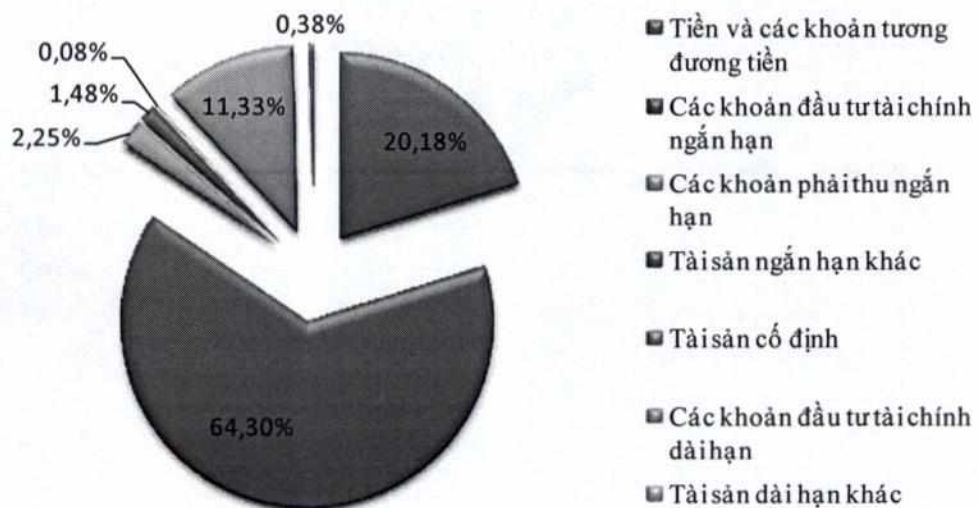
Tháng 5/2010, KLS hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.025 tỷ đồng. KLS được xếp vào Công ty Chứng khoán có vốn điều lệ lớn hơn 1.000 tỷ đồng, đứng thứ 3 trong danh sách những công ty chứng khoán có quy mô lớn nhất tại Việt Nam. Đến 31/12/2015, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là hơn 2.272 tỷ đồng tạo điều kiện thuận lợi cho KLS trong việc mở rộng và tăng cường năng lực hoạt động kinh doanh, đầu tư đẩy mạnh vị thế cạnh tranh trong ngành. Tiềm lực tài chính mạnh cũng giúp Công ty tận dụng và nắm bắt kịp thời những cơ hội kinh doanh tiềm năng trên thị trường.

▪ Tổng Tài sản KLS:



Kết thúc năm 2015, KLS có Tổng tài sản xấp xỉ 2.372,54 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu khoảng 2.272,28 tỷ đồng. Số dư tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 vào khoảng 478,81 tỷ đồng (trong đó tiền ký quỹ của Nhà đầu tư là 76,52 tỷ đồng), đảm bảo sự cân đối tài chính chắc chắn cho Công ty và là nguồn vốn dự trữ để triển khai các dịch vụ Margin, dịch vụ tài chính khác cho các nhà đầu tư. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty tăng từ 1.361,24 tỷ đồng năm 2014 (chiếm 56,62% tổng tài sản) lên 1.525,63 tỷ đồng, chiếm 64,30% tổng tài sản.

Bảng cơ cấu Tổng Tài sản của KLS tại thời điểm 31/12/2015:



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

▪ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

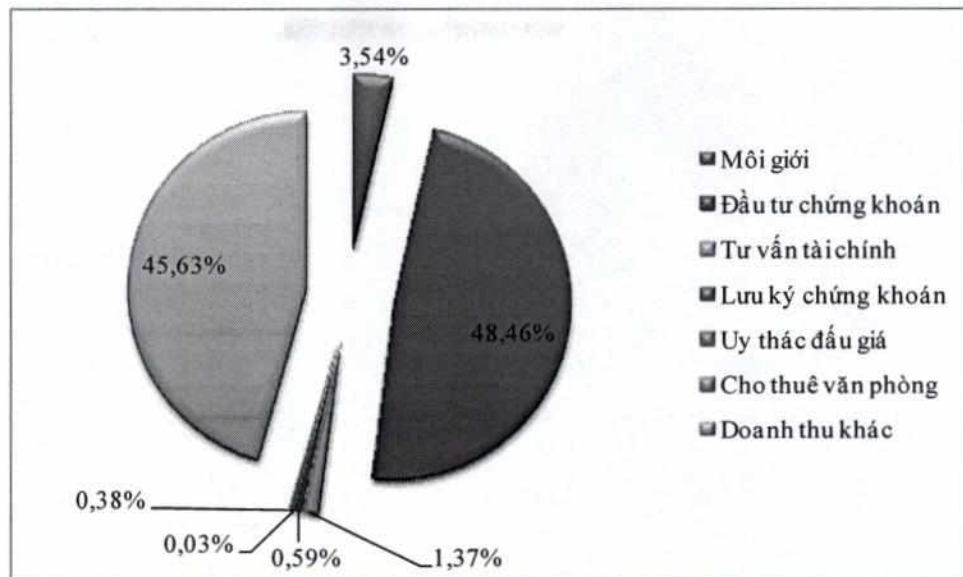
Năm 2015 là một năm nhiều biến động với thị trường chứng khoán Việt Nam khi có nhiều sự kiện quốc tế cũng như nội địa ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường xảy ra. Là một thành viên của thị trường, hoạt động kinh doanh của KLS bị tác động không nhỏ bởi các biến động này. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 của Công ty như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng trưởng (%)
1	Tổng tài sản	2.586,92	2.372,54	-8,29%
2	Vốn chủ sở hữu	2.472,59	2.272,28	-8,10%
3	Vốn điều lệ	2.025,00	2.025,00	0,00%
4	Doanh thu thuần	230,54	170,42	-26,08%
5	Lợi nhuận trước thuế	180,08	-68,39	0
6	Lợi nhuận sau thuế	144,78	-68,39	0
7	EPS (đồng/ cổ phần)	794,4	-	-
8	Giá trị sổ sách (đồng)	13.567,03	11.221,14	-17,29%

(nguồn: BCTC KLS đã kiểm toán năm 2015)

Kết thúc năm tài chính 2015, doanh thu của Công ty đạt 170,42 tỷ đồng, giảm 60 tỷ đồng so với năm 2014. Điểm khác biệt của năm 2015 so với những năm gần đây thể hiện trong việc thay đổi cơ cấu doanh thu của Công ty. Hoạt động đầu tư chứng khoán vươn lên dẫn đầu, chiếm 48,46% tổng doanh thu của Công ty, trong khi hoạt động khác (chủ yếu là hoạt động kinh doanh nguồn vốn) đứng thứ hai - chiếm tỷ trọng 45,63% tổng doanh thu (con số này năm 2014 là 56,06%). Điều này là do trong năm 2015 Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư dẫn đến lượng tiền tập trung cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn giảm. Đồng thời, lãi suất trong năm 2015 giảm nên kéo theo doanh thu của hoạt động kinh doanh nguồn vốn giảm. Cụ thể, doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn trong năm 2015 chỉ đạt 74,9 tỷ đồng, giảm 40,8% so với năm 2014. Doanh thu từ hoạt động môi giới chiếm 3,54% tổng doanh thu của Công ty.

Cơ cấu doanh thu năm 2015 của Công ty:**▪ Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Theo kế hoạch đặt ra cho năm 2015, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua, Công ty đặt mục tiêu kinh doanh có lãi và từng bước mở rộng hoạt động môi giới.

Tin tưởng vào triển vọng phục hồi của nền kinh tế Việt Nam, Công ty đã từng bước mở rộng quy mô hoạt động đầu tư, đẩy mạnh chất lượng hoạt động môi giới, mở rộng hoạt động margin, chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân sự để cung cấp các sản phẩm môi giới đa dạng trong tương lai như giao dịch trong ngày, giao dịch tạo lập thị trường... Tuy nhiên, do những biến động khó dự đoán của thị trường chứng khoán cũng như sự sụt giảm mạnh của giá dầu trên thế giới nên lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 bị âm hơn 68 tỷ đồng (*chủ yếu do trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào một số cổ phiếu dầu khí*) - không đạt được kế hoạch đặt ra. Ngoài ra, việc giảm số dư cũng như lãi suất tiền gửi kéo theo sự sụt giảm doanh thu, lợi nhuận của hoạt động kinh doanh nguồn vốn cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm trong lợi nhuận của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự**2.1. Danh sách Ban điều hành:**

Ông Phạm Vĩnh Thành	- Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngô Tuấn	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Tuấn	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Trọng	- Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Bách	- Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thùy Linh	- Kế toán trưởng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

▪ **Ông Phạm Vĩnh Thành - Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Phạm Vĩnh Thành
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 26/03/1976
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMTND: 011830627 cấp ngày 19/03/2009 tại CA Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam
Quê quán: Thiệu Toán, Thiệu Hóa, Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: Tổ 81A, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

11/1998 đến 07/2003: Chuyên viên Vụ Quản lý Phát hành Chứng khoán - UBCKNN
08/2003 đến 09/2005: Phụ trách Bộ phận Tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông
10/2005 đến 09/2006: Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ 1 – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
10/2006 đến 10/2007: Trưởng Phòng Tư vấn - Phân tích Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
11/2007 đến 06/2011: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Kim Long
07/2011 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
Số cổ phần nắm giữ: 540.000 cổ phần

▪ **Ông Nguyễn Ngô Tuấn - Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Nguyễn Ngô Tuấn
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 05/11/1973
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMTND: 012805228 cấp ngày 22/07/2005 tại CA Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Quê quán: Anh Sơn, Nghệ An
Địa chỉ thường trú: Phòng 801, N04B2, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

1998 đến 03/2003: Cán bộ Trung tâm NCKH và Bồi dưỡng Nghiệp vụ Chứng khoán, UBCKNN
04/2003 đến 10/2005: Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông
11/2005 đến 07/2006: Phó phòng Hành chính tổng hợp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
08/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
Số cổ phần nắm giữ: 475.200 cổ phần

▪ **Ông Nguyễn Đức Tuấn** – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Đức Tuấn
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 15/08/1975
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMTND: 013023033 cấp ngày 22/11/2007 tại Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam
Quê quán: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 211A Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh Tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

12/1998 đến 01/2007 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Phó Trưởng Phòng Tổng hợp
02/2007 đến 06/2009 CTCP Chứng khoán Kim Long – Trưởng Phòng Khách hàng nước ngoài
07/2009 đến nay: CTCP Chứng khoán Kim Long - Phó Tổng Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ: 500.000 cổ phần

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

▪ **Ông Trần Văn Trọng** – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Trần Văn Trọng
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/11/1976
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMTND: 011832854 cấp ngày 04/01/2010 tại CA Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam
Quê quán: Hà Nam
Địa chỉ thường trú: Số 35, ngõ 97, phố Khương Trung, Quận Thanh Xuân, HN
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.

Quá trình công tác:

12/1998 đến 03/2008: Chuyên viên tại UBCKNN, Giảng viên kiêm nhiệm tại Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán.
01/2006 đến 12/2007: Học Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (Tài chính Ngân hàng) tại Đại học Monash - Australia.
04/2008 đến 08/2008: Trưởng ban Dự án chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long.
08/2008 đến 02/2009: Phó Giám đốc chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - CTCP Chứng khoán Kim Long.
03/2009 đến 06/2011: Thành viên HĐQT, Giám đốc chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - CTCP Chứng khoán Kim Long
07/2011 đến 06/2012: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
07/2012 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
Số cổ phần nắm giữ: 810.000 cổ phần

▪ **Ông Bùi Quang Bách** – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Bùi Quang Bách
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 10/08/1976

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMTND: 011820590 do Công An Hà Nội cấp ngày 03/03/2008
Địa chỉ thường trú: Số 23, Ngõ 32 Nguyễn Văn Trỗi, Thanh Xuân, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.

Quá trình công tác:

1999 đến 7/2005: Chuyên viên Ủy ban chứng khoán nhà nước
8/2005 đến 8/2006: Phó Phòng Nghiệp vụ 2, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
9/2006 đến 1/2008: Trưởng Phòng Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
02/2008 đến 4/2010: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
4/2010 đến 8/2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
8/2011 đến 1/2012: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương
2/2012 đến 12/2013: Giám đốc Phát triển Kinh doanh Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
1/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

▪ **Bà Nguyễn Thùy Linh – Kế Toán Trưởng**

Họ và tên: Nguyễn Thùy Linh
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 27/04/1975
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMTND: 011983129 cấp ngày 23/12/2009 tại CA Hà Nội
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam
Quê quán: Nam Đàn, Nghệ An
Địa chỉ thường trú: P407 H4 Tập thể Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán nội bộ.
Quá trình công tác:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

1997 đến 1999:	Trợ lý nhân sự Công ty Cổ phần Quốc tế ASEAN
2003 đến 02/2006:	Trưởng Phòng Kế toán Lưu ký Công ty Cổ phần Chứng khoán Mê Kông
03/2006 đến 08/2006:	Phụ trách Kế toán Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
09/2006 đến nay:	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán nội bộ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long
Số cổ phần nắm giữ:	20.000 (hai mươi nghìn) cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2015, KLS không có thay đổi về nhân sự ban điều hành.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Số lượng nhân viên trong năm 2015 được duy trì ổn định, không có tăng giảm gì đáng kể, từ 86 người đầu năm lên 87 người cuối năm, trong đó số nhân viên tăng mới là 04 người và số nhân viên nghỉ việc là 03 người. Các đơn vị năm 2014 có nhiều biến động như ban Tài chính doanh nghiệp ở Hội sở và bộ phận Tư vấn phân tích ở Chi nhánh Hồ Chí Minh thì đã ổn định trong năm 2015.

Bảng thống kê tình hình nhân sự tại KLS trong năm 2015

ĐỐI TƯỢNG	Tổng số CBNV đầu năm 2015	Số CBNV tăng trong năm 2015	Số CBNV giảm trong năm 2015	Số CBNV được điều chuyển đi (nội bộ)	Số CBNV được điều chuyển đến (nội bộ)	Tổng số CBNV cuối năm 2015
TỔNG SỐ	86					87
Ban lãnh đạo	8					8
Phòng Giao dịch	15	1	1			15
Phòng KTLK	10					10
Ban Đầu tư BĐS	0	0				0
Ban Đầu tư	8					8
Ban TCDN	10	2				12
Phòng KTNB	4					4
Phòng CNTT	9		2			7
Phòng Tổng hợp	10					10
CN TPHCM						

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

ĐỐI TƯỢNG	Tổng số CBNV đầu năm 2015	Số CBNV tăng trong năm 2015	Số CBNV giảm trong năm 2015	Số CBNV được điều chuyển đi (nội bộ)	Số CBNV được điều chuyển đến (nội bộ)	Tổng số CBNV cuối năm 2015
Ban lãnh đạo	1					1
Các phòng ban	11	1				12

▪ Tình hình nhân sự có chứng chỉ hành nghề trong năm 2015

Số lượng CBNV có chứng chỉ hành nghề (CCHN) là 48 người.

- Tổng số CBNV có CCHN đầu năm 2015: 44 người
- Tổng số CBNV có CCHN tăng trong năm: 04 người (01 người có CCHN tăng mới trong năm)
- Tổng số CBNV đã nộp hồ sơ cấp CCHN trong năm: 0 người
- Tổng số CBNV có CCHN giảm trong năm: 0 người
- Tổng số CBNV có CCHN cuối năm 2015: 48 người

Bảng thống kê chứng chỉ hành nghề chứng khoán tại KLS trong năm 2015

ĐỐI TƯỢNG	Đầu năm 2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đã nộp Hồ sơ cấp CCHN	Cuối năm 2015
TỔNG SỐ	44				48
Ban TGD	6				6
Bộ phận Môi giới	18				21
Bộ phận Tự doanh	5				5
Bộ phận Bảo lãnh phát hành	5				5
Bộ phận Tư vấn đầu tư chứng khoán	5	1			6
Bộ phận khác	5				5

▪ Chế độ chính sách, tiền lương:

Con người là tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp. Bởi vậy, mặc dù thị trường chứng khoán rất thất thường và khó dự đoán, nhưng Công ty luôn cố gắng duy trì chế độ lương thưởng và phúc lợi ổn định. Song song với loại hình bảo hiểm y tế bắt buộc, Công ty còn mua thêm bảo hiểm sức khỏe cho CBNV. Ngoài việc chăm lo sức khỏe thể chất, Công ty cũng tổ chức nhiều hoạt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

động mang ý nghĩa tinh thần như nghỉ mát, tổ chức kỷ niệm sinh nhật Công ty, tổ chức Tiệc nhân viên hàng năm... Những hoạt động này đã góp phần nâng cao tinh thần hợp tác giữa các cá nhân và các phòng ban, làm nên một tập thể gắn bó, đoàn kết và thân thiện.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn trong năm: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.586,92	2.372,54	-8,29%
Doanh thu thuần	230,54	170,42	-26,08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	180,08	-68,39	-
Lợi nhuận khác	0	0	-
Lợi nhuận trước thuế	180,08	-68,39	-
Lợi nhuận sau thuế	144,78	-68,39	-
Cổ tức	7%	N/A	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	88,11%	N/A	-

(Nguồn: BCTC KLS đã kiểm toán năm 2015)

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	19,9	20,90
Hệ số thanh toán nhanh:		
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	19,9	20,90
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,04	0,04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS**

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	0,08	0,07
Doanh thu thuần/Tổng tài sản		
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	62,80%	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,85%	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,59%	-
Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	78,11%	-

(Nguồn: Các hệ số tính toán dựa trên số liệu trong BCTC KLS đã kiểm toán năm 2015)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 2.025.000.000.000 (hai nghìn không trăm hai mươi lăm tỷ) đồng.
- Cổ phần: 202.500.000 (hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn) cổ phần phổ thông.
Trong đó có 20.250.000 cổ phiếu quỹ.
- Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/03/2015 như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông lớn	11.772.200	5,81%
II	Cá nhân	159.596.262	78,81%
1	Cá nhân trong nước	154.469.896	76,28%
2	Cá nhân nước ngoài	5.126.366	2,53%
III	Tổ chức	22.653.738	11,19%
1	Tổ chức trong nước	2.643.533	1,31%
2	Tổ chức nước ngoài	20.010.205	9,88%
IV	Cổ phiếu quỹ	20.250.000	10,00%
V	Tổng cộng	202.500.000	100,00%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

- Cổ phiếu quỹ của Công ty: Số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty: 20.250.000 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ (*Công ty đã hoàn thành đợt mua cổ phiếu quỹ từ tháng 8/2013*).
- Hoạt động mua – bán cổ phiếu quỹ trong năm 2015: không có
- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có.
- Các chứng khoán khác: không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2015 Lợi nhuận sau thuế của Công ty sụt giảm mạnh, bị lỗ 68,39 tỷ đồng - không đạt được kế hoạch do ĐHĐCD thường niên 2015 đề ra.

Nguyên nhân chính của kết quả trên là do trong năm 2015 Công ty đã tăng cường hoạt động đầu tư trên cơ sở các tín hiệu phục hồi tích cực của kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, với những biến động khó dự đoán của thị trường chứng khoán cũng như sự sụt giảm mạnh của giá dầu trên thế giới khiến Công ty đã phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn rất lớn (189 tỷ đồng), kết quả kinh doanh cả năm bị lỗ. Bên cạnh đó, việc giảm quy mô vốn và lãi suất trong hoạt động kinh doanh nguồn vốn cũng làm giảm sự đóng góp vào doanh thu, lợi nhuận của mảng hoạt động này.

2. *Tình hình tài chính*

a. Tình hình tài sản

Kết thúc năm tài chính 2015, KLS có tổng tài sản 2.372,54 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 88,21% trong tổng tài sản. Công ty luôn duy trì kết cấu tài sản đảm bảo tính thanh khoản cao, sẵn sàng nguồn lực cho hoạt động tự doanh, cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng giao dịch (*margin, ứng trước*).

b. Tình hình nợ phải trả

Với lượng vốn chủ sở hữu dồi dào, KLS không có các khoản vay nợ (*ngắn, dài hạn*) từ các tổ chức tài chính do vậy không phát sinh chi phí lãi vay trong năm 2015. Đồng thời, các khoản công nợ phải trả chiếm tỷ lệ rất thấp (4,41%) trên tổng nguồn vốn của KLS tại thời điểm cuối năm và không có nợ quá hạn. KLS không có rủi ro thanh toán tại thời điểm cuối năm 2015.

c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các giao dịch sử dụng ngoại tệ trong năm 2015 của Công ty có giá trị rất nhỏ, do vậy chênh lệch tỷ giá hối đoái không gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Trong năm 2015, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng của nhân viên.

Tháng 9/2015, Công ty đã tái cấu trúc Phòng Giao dịch thành Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng nhằm đẩy mạnh quy mô và chất lượng hoạt động môi giới, chăm sóc khách hàng. Xây

dựng các sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng, phù hợp với nhu cầu của các khách hàng, giúp các khách hàng giao dịch chứng khoán tại KLS được an toàn, thuận lợi và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, cũng như theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, Ban lãnh đạo KLS luôn tập trung vào việc nâng cao và phát triển những yếu tố nội tại: Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại; Đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên; Phát triển mạnh các dịch vụ hỗ trợ cho nhà đầu tư. Chiến lược phát triển chung của Công ty phù hợp chiến lược tập trung chiều sâu trước khi mở ra chiều rộng, KLS sẽ tận dụng triệt để các cơ hội đầu tư để đón đầu những cơ hội phát triển trong thời gian tới.

- Đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ hiện đại.
- Tăng cường năng lực tài chính, tạo sức mạnh cạnh tranh.
- Định hướng phát triển KLS thành định chế tài chính đa năng.
- Tăng cường chế độ đãi ngộ và thu hút nhân tài.
- Áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến, tăng cường công tác quản lý rủi ro.
- Xây dựng hình ảnh, thương hiệu KLS bằng việc tăng cường công tác PR và IR.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Hoạt động đầu tư (tự doanh)

- *Về tình hình chung:* Bối cảnh quốc tế, năm 2015, thế giới đối mặt với rất nhiều khó khăn, giá dầu giảm liên tục, lập đáy trên 10 năm trở lại đây; những bất ổn, bạo lực khủng bố diễn ra nhiều nơi; căng thẳng leo thang giữa Nga với các nước phương tây; nền kinh tế Trung Quốc giảm tốc; nhiều quốc gia phá giá đồng nội tệ; Mỹ quyết định tăng lãi suất USD,... những biến động này đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh tế-xã hội toàn cầu. Thị trường chứng khoán cũng đối mặt với khó khăn lớn, khi nhiều thị trường giảm điểm với những phiên giảm kỷ lục trong vài năm trở lại đây.
- *Về định hướng đầu tư:* xác định đầu tư là công tác có tính dài hạn, phải thực hiện thường xuyên, liên tục trên nhiều khía cạnh, vì thế Công ty vẫn tiếp tục triển khai trên một số hoạt động sau: Thu thập thông tin, phân tích thông tin và tổ chức thực hiện đầu tư.
- *Đối với việc thu thập, phân tích thông tin:* KLS thực hiện tổng hợp liên tục những thông tin về kinh tế vĩ mô, nguồn vốn FDI, giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, đặt trong một chuỗi thời gian nhất định để từ đó đưa ra cái nhìn tổng thể, theo hướng chu kỳ, xu thế, trên cơ sở đó có những kết luận và dự báo thời gian tiếp theo. Tuy nhiên, trong năm 2015 có những “thay đổi” trong diễn biến giao dịch, mà có thể những diễn biến này ít nhiều có sự tác động phi thị trường từ bên ngoài, nên việc hiểu được bản chất vấn đề không hề đơn giản.

Nhìn tổng thể, năm 2015 được coi là năm khó khăn trong hoạt động đầu tư bởi về cơ bản các đợt sóng diễn ra không dài, không dàn trải toàn thị trường, mỗi sóng lại đi theo những “xu hướng” nhất định như cổ phiếu liên quan đến TPP, thoái vốn của SCIC,... và chỉ tại từng cổ phiếu riêng lẻ, diễn ra khá bất ngờ, nhanh. Vì thế, nhà đầu tư nhìn chung khá bị động trong nhìn nhận và phản ứng đầu tư. Đặc biệt là diễn biến giá dầu giảm mạnh, kéo dài đã vượt quá dự báo của các tổ chức, chuyên gia quốc tế cũng như Việt Nam, điều này đã ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành, từ đó tác động đến giá cổ phiếu. Vì vậy, hoạt động tự doanh năm 2015 đã bị ảnh hưởng bởi những diễn biến bất lợi trên thị trường, cũng như những ngành, cổ phiếu có tình hình hoạt động kém khả quan, đặc biệt là ngành dầu khí.

1.2. Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Các mục tiêu đặt ra đối với hoạt động nguồn vốn nhìn chung đã hoàn thành. Nguồn vốn luôn được tập trung kịp thời cho tất cả các nhu cầu sử dụng trong Công ty.

Tăng cường hợp tác với các ngân hàng để đưa thêm các công cụ tốt nhất phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty được linh hoạt.

Công tác phối hợp, kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tiền gửi cũng được tăng cường để bảo đảm hoạt động tiền gửi được thực hiện đúng quy trình nội bộ, bảo đảm an toàn, hợp lệ trong tất cả các khâu gửi, nhận tiền, thỏa thuận, ký kết, lưu trữ hợp đồng.

Hoạt động gửi tiền đã đem lại cho Công ty 74,9 tỷ đồng doanh thu, giảm 40,8% so với năm 2014, do số dư và lãi suất tiền gửi giảm. Công ty tiếp tục chú trọng mở rộng và xây dựng quan hệ hợp tác với các ngân hàng thương mại, thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình lãi suất để có phương án đàm phán hiệu quả nhất. Lãi suất trên các hợp đồng tiền gửi của Công ty thường đạt ở mức cao so với thị trường.

1.3. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Năm 2015, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định và có mức tăng trưởng tốt hơn so với dự báo, các chỉ tiêu cơ bản đều hoàn thành và TTCK vẫn tiếp tục nhận được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư khi hoạt động của các doanh nghiệp được cải thiện. Cùng với việc hệ thống doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh tái cấu trúc thông qua cổ phần hóa, thoái vốn, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường tập trung thì hệ thống các công ty cổ phần tư nhân cũng tích cực xây dựng kế hoạch niêm yết, huy động vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua hoạt động M&A, đây là môi trường rất tốt cho hoạt động tư vấn tài chính phát triển.

a. Các hoạt động đã và đang triển khai trong năm 2015:

- Tư vấn niêm yết cổ phiếu và đăng ký giao dịch: thực hiện 13 hợp đồng.
- Tư vấn chào bán cổ phiếu: thực hiện 16 hợp đồng;
- Tư vấn tài chính, tái cấu trúc DN, M&A, tư vấn lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: mảng tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp và M&A tiếp tục là một thế mạnh của KLS và được đẩy mạnh với số hợp đồng ký mới và thực hiện trong năm là 19 hợp đồng tư vấn;
- Các dịch vụ hỗ trợ khác: tư vấn tổ chức ĐHCĐ, CBTT, Tư vấn đăng ký công ty đại chúng, Tư vấn đăng ký lưu ký chứng khoán, Trả cổ tức,... cũng được công ty chú trọng triển khai nhằm hỗ trợ khách hàng. Trong năm 2015, KLS đã hoàn thành và ký mới các

hợp đồng tư vấn khác hỗ trợ các công ty, doanh nghiệp với số lượng thực hiện 19 hợp đồng.

Tổng hợp trong năm 2015, KLS đã và đang thực hiện 67 hợp đồng tư vấn doanh nghiệp các loại (bao gồm cả hợp đồng từ các năm trước chuyển sang và hợp đồng ký mới trong năm 2015). Doanh thu đạt 2,33 tỷ đồng.

KLS tiếp tục khẳng định là đơn vị có uy tín cao trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Công ty vẫn luôn duy trì được các khách hàng truyền thống như: Tổng Công ty Vinaconex, Tổng Công ty Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Sông Đà, CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, Ngân hàng (HD Bank, Nam Á), Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP, CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy, v.v...

1.4. Hoạt động Môi giới và dịch vụ khách hàng

Theo định hướng phát triển chung của công ty, Phòng giao dịch đã được đổi tên thành Phòng môi giới và dịch vụ khách hàng từ tháng 09/2015. Trong năm 2015, các hoạt động môi giới được triển khai đồng bộ và hiệu quả, bao gồm: hoạt động giao dịch, hoạt động môi giới, hoạt động giao dịch trái phiếu, hoạt động làm đại lý đấu giá, hoạt động quản lý sổ cổ đông, hoạt động test thử nghiệm với các Sở giao dịch, triển khai phân hệ mới, bổ sung tính năng trên phân hệ hiện tại, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Trong đó, hoạt động môi giới của KLS vẫn tiếp tục phát triển theo chiều sâu, tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, mức độ tự động hóa cao. Do vậy, trong năm 2015, hoạt động giao dịch của Công ty luôn được duy trì liên tục, thông suốt và ổn định. Các giao dịch tiền và chứng khoán của khách hàng được kiểm soát chặt chẽ, nhân viên giao dịch có tư cách đạo đức tốt, luôn tuân thủ các nguyên tắc về giao dịch nên trong năm 2015 không có bất cứ một trường hợp nào làm sai quy định của công ty về tiền và chứng khoán của khách hàng.

Đối với nghiệp vụ giao dịch ký quỹ: Trong năm 2015, Công ty tiếp tục triển khai mở rộng đối tượng sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ và đã đạt được một số kết quả nhất định. Số lượng tài khoản đăng ký sử dụng tăng thêm 51 tài khoản với mức dư nợ ký quỹ bình quân khoảng 16,25 tỷ đồng/ngày, tiền lãi thu được từ việc cho vay ký quỹ đạt 1,97 tỷ đồng. Hoạt động giao dịch ký quỹ luôn tuân thủ chặt chẽ tỷ lệ cho vay từng mã chứng khoán, thường xuyên điều chỉnh tỷ lệ và mức giới hạn giá cho vay với từng mã chứng khoán cho phù hợp với điều kiện chung của thị trường, lựa chọn những mã chứng khoán đủ các điều kiện giao dịch ký quỹ đưa vào danh mục chứng khoán ký quỹ. Theo đó, trong năm 2015, nghiệp vụ giao dịch ký quỹ không phát sinh trường hợp nào phải bán chứng khoán của khách hàng để thu nợ cũng như Công ty không có nợ ký quỹ khó đòi (tính đến thời điểm 31/12/2015).

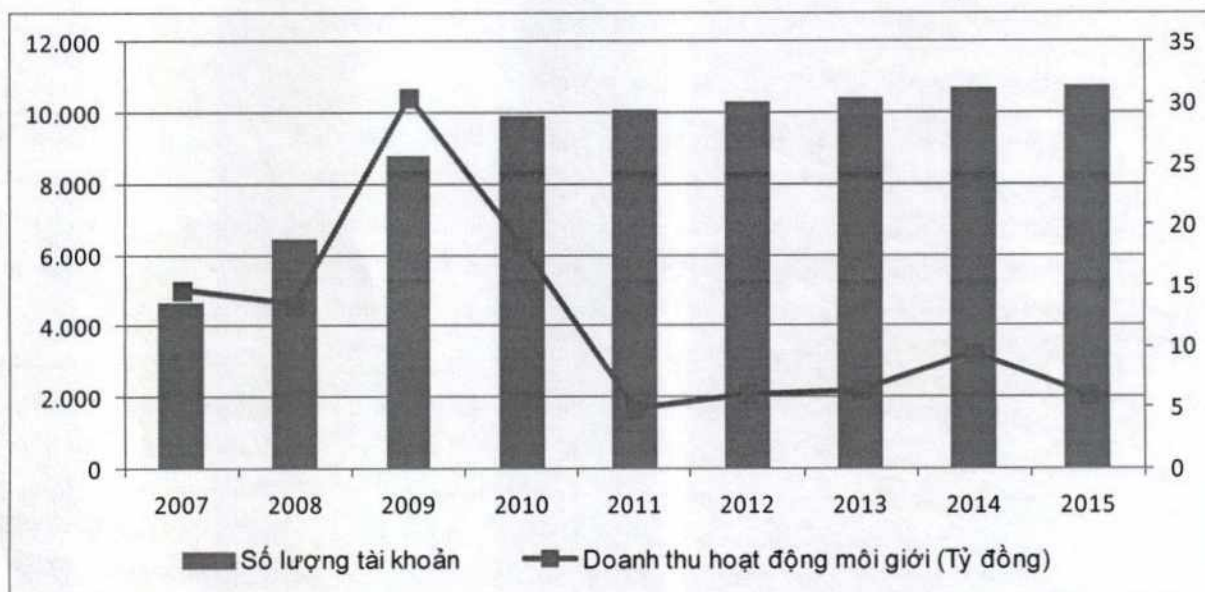
Số lượng tài khoản tăng thêm trong năm 2015 là 111 tài khoản và có 11 tài khoản đóng trong năm, tổng số tài khoản của khách hàng mở tại KLS tại thời điểm cuối năm 2015 là 10.786 tài khoản. Doanh thu môi giới của Công ty năm 2015 đạt 6,04 tỷ đồng. Thống kê số lượng tài khoản và doanh thu hoạt động môi giới:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Nội dung/ Năm	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Số lượng tài khoản	4.694	6.448	8.785	9.937	10.068	10.301	10.434	10.685	10.786
Doanh thu hoạt động môi giới (Tỷ đồng)	14,64	13,48	30,43	18,27	4,83	6,09	6,39	9,38	6,04

(Nguồn: BCTC KLS)



1.5. Hoạt động Công nghệ thông tin

Hoạt động công nghệ thông tin vẫn tiếp tục là một trọng tâm đầu tư của KLS nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như yêu cầu quản trị của Công ty. Phòng IT được đầu tư bài bản với đội ngũ nhân lực có chất lượng cao đã đảm bảo cho Công ty năng lực vận hành hệ thống giao dịch chủ động, khả năng tùy biến linh hoạt, hệ thống vận hành ổn định. Hoạt động công nghệ thông tin đã hỗ trợ tích cực cho bộ phận giao dịch, kế toán – lưu ký trong việc giảm thiểu tối đa lỗi trong hoạt động nghiệp vụ đồng thời hỗ trợ cho các bộ phận khác trong Công ty như phân tích, tư vấn... giúp tăng hiệu quả và tính chuyên nghiệp của các sản phẩm dịch vụ của các bộ phận này.

Trong năm 2015, KLS đã phát triển phần mềm core chứng khoán theo yêu cầu nghiệp vụ:

- Phát triển và triển khai hệ thống Cổng giao tiếp trực tuyến theo đặc tả của Trung tâm Lưu ký.
- Tham gia thử nghiệm và triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Phát triển, hoàn thiện và triển khai module quản lý môi giới.
- Thực hiện chỉnh sửa thay đổi hệ thống để triển khai thanh toán bù trừ T+2.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

- Phối hợp test theo yêu cầu của các Sở Giao dịch.

1.6. Hoạt động Tổng hợp – Nhân sự

a. Công tác nhân sự

Số lượng nhân viên trong năm 2015 tăng từ 86 người hồi đầu năm lên 87 người cuối năm, trong đó số nhân viên tăng mới là 04 người và số nhân viên nghỉ việc là 03 người.

Về hoạt động đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn: Công ty vẫn luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên các Phòng, Ban tự trau dồi kiến thức, nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn (chứng chỉ chứng khoán, các chứng chỉ tài chính khác CFA, ACCA,...). Đến cuối năm 2015, số lượng nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán của Công ty là 48.

Năm 2015, những chính sách liên quan đến nhân sự: chế độ lương thưởng, phúc lợi và đãi ngộ, chăm sóc sức khỏe, môi trường làm việc,... được ban lãnh đạo quan tâm và thực hiện tốt. Các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho CBNV vẫn được Công ty thực hiện đầy đủ như tổ chức kỷ niệm sinh nhật Công ty, tổ chức Tiệc nhân viên hàng năm,... Chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV Công ty ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của Nhà nước đã cho thấy hiệu quả đáng kể trong việc chăm sóc và cải thiện sức khỏe của nguồn nhân lực KLS, do vậy, Công ty tiếp tục triển khai chương trình này. Trong năm 2015, 6 CBNV tròn thâm niên 5 năm công tác được Công ty trao tặng kỷ niệm chương và phụ cấp thâm niên để cảm ơn sự cống hiến và đồng hành của họ cùng Công ty.

b. Hoạt động PR – Marketing

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động công bố thông tin theo quy định, kịp thời cung cấp thông tin đến cho các nhà đầu tư, báo chí. Hoạt động công bố thông tin đầy đủ và hoàn thành nghĩa vụ của 1 thành viên thị trường. Các thông tin liên quan đến KLS luôn được công bố kịp thời và chính xác. KLS duy trì quan hệ tốt đối với các đơn vị báo chí, truyền hình. Hình ảnh của KLS đến với công chúng thông qua các kênh truyền thông để lại ấn tượng tốt cho cổ đông và khách hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2015 đã không đạt được kế hoạch ĐHCĐ, HĐQT đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Kinh doanh có lãi và từng bước mở rộng hoạt động môi giới

Trước những khó khăn, thách thức rất lớn của thị trường chứng khoán năm 2016, HĐQT thận trọng đưa ra kế hoạch kinh doanh có lãi. Với những hành lang pháp lý mới của hoạt động môi giới, KLS đặt mục tiêu mở rộng quy mô và đẩy mạnh hiệu quả hoạt động môi giới; đa dạng hóa các sản phẩm môi giới (margin, ứng trước, giao dịch trong ngày, giao dịch tạo lập thị trường...) trên nền tảng nguồn vốn dồi dào và hệ thống công nghệ thông tin tự động hóa cao. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư tiếp tục được

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

triển khai thận trọng, chuyên nghiệp hơn để nắm bắt các cơ hội thị trường, gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.

- **Hoạt động môi giới và dịch vụ khách hàng:** Nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc và phát triển khách hàng. Mở rộng đối tượng khách hàng, tăng quy mô cung cấp các dịch vụ tài chính đi kèm hoạt động môi giới (margin, ứng trước tiền bán chứng khoán).
- **Hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn:** Tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Triển khai đầu tư thận trọng, đảm bảo an toàn nguồn vốn, tận dụng cơ hội của thị trường để có mức lãi hợp lý.
- **Hoạt động tư vấn:** Tiếp tục triển khai các nghiệp vụ tư vấn truyền thống: phát hành, niêm yết, đăng ký chứng khoán,.... đồng thời tập trung phát triển các hoạt động tư vấn tái cấu trúc tài chính, M&A. Mục tiêu trước mắt là duy trì được các khách hàng truyền thống, tiến tới tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, hoạt động tư vấn tiếp tục là tiền đề quan trọng để Công ty mở rộng, triển khai các hoạt động phân tích, đầu tư và bảo lãnh phát hành.
- **Các hoạt động khác:** Tài chính – kế toán, lưu ý chứng khoán, quản trị, công bố thông tin, IR, PR,.... đảm bảo thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và nguyên tắc hoạt động của Công ty.

b. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Với định hướng hoạt động là một ngân hàng đầu tư năng động và hiện đại, Công ty tập trung vào những vấn đề có tính hướng nội trước khi khuếch trương và mở rộng. Do vậy, điểm mạnh của KLS là đã tập hợp được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đoàn kết, năng động và chuyên nghiệp.

Với mục tiêu tăng cường hơn nữa nguồn nhân lực có chất lượng cao, trong năm 2016, KLS sẽ tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự, tìm kiếm và thu hút nhân sự có chất lượng, tích cực tổ chức đào tạo chuyên môn để nâng cao năng lực của nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu mới về quản trị và phát triển hoạt động kinh doanh.

c. Nâng cấp cơ sở vật chất – kỹ thuật

Cơ sở vật chất của Công ty hiện tại đã được đầu tư đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, đảm bảo tính bảo mật, ổn định. Đặc biệt, đối với lĩnh vực công nghệ thông tin, đây được xác định là một trong những điểm mạnh của KLS để cạnh tranh và phát triển về lâu dài. Song hành với việc mở rộng hoạt động môi giới, KLS sẽ tập trung tối ưu hóa tiện ích giao dịch trực tuyến cho các khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ giao dịch, dịch vụ tài chính online.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hà Hoài Nam	-	Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Phạm Tấn Huy Bằng	-	Thành viên Hội đồng quản trị;
Phạm Vĩnh Thành	-	Thành viên Hội đồng quản trị;
Bùi Chiến Phong	-	Thành viên Hội đồng quản trị;
Trần Văn Trọng	-	Thành viên Hội đồng quản trị.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Danh sách	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
<i>I</i>	<i>Thành viên hội đồng quản trị độc lập</i>		
1.	Bùi Chiến Phong	0,287	Không có
<i>II</i>	<i>Thành viên HĐQT không điều hành</i>		
1.	Hà Hoài Nam	9,72	Không có
2.	Phạm Tấn Huy Bằng	5,37	Không có
<i>III</i>	<i>Thành viên Hội đồng quản trị khác</i>		
1.	Phạm Vĩnh Thành	0,29	Không có
2.	Trần Văn Trọng	0,44	Không có

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT Chưa thành lập các tiểu ban.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hiện nay, hai thành viên HĐQT KLS đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc (*Ông Phạm Vĩnh Thành kiêm Tổng Giám đốc và ông Trần Văn Trọng kiêm Phó Tổng Giám đốc*) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cho HĐQT thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua thư điện tử (email), điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua Báo cáo hoạt động của TGD gửi các thành viên HĐQT hàng tháng.

Các cuộc họp của HĐQT:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS**

ST T	SỐ BIÊN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
1	2001-1/2015/BB-HĐQT	20/01/2015	- Thông qua BCTC quý IV/2014 và triển khai hoạt động quý I năm 2015.
2	2201-1/BB-HĐQT	22/01/2015	- Thông qua báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2014. - Báo cáo công tác quản trị, Quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ. - Chính sách rủi ro năm 2015.
3	2402-1/2015/BB-HĐQT	24/02/2015	- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015. - Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2014.
4	2303-1/2015/BB-HĐQT	23/03/2015	- Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015. - Thông qua Chương trình và tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
5	1604-1/2015/BB-HĐQT	16/04/2015	- Thông qua báo cáo tài chính quý I năm 2015 và triển khai hoạt động kinh doanh quý II năm 2015.
6	2606-1/2015/BB-HĐQT	26/06/2015	- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán.
7	1707-1/2015/BB-HĐQT	17/07/2015	- Thông qua báo cáo Quý II/2015 và triển khai kế hoạch hoạt động Quý III/2015; - Điều chỉnh lương cho Cán bộ Công ty đến hạn tăng lương.
8	3108-1/2015/BB-HĐQT	31/08/2015	- Ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của các phòng ban; - Bổ nhiệm cán bộ
9	1610-1/2015/BB-HĐQT	16/10/2015	- Thông qua Báo cáo Quý III/2015 và triển khai kế hoạch hoạt động Quý IV/2015; - Cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
10	2112-1/2015/BB-HĐQT	21/12/2015	- Thông qua quy chế tiền lương; - Thông qua Bảng hệ số lương; - Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ..

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập; thành viên HĐQT không điều hành: Hiện HĐQT có 01 thành viên HĐQT độc lập là ông Bùi Chiến Phong và 02 thành viên không điều hành là ông Hà Hoài Nam, ông Phạm Tấn Huy Bằng. Ông Hà Hoài Nam và Ông Phạm Tấn Huy Bằng có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực tài

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

chính – tiền tệ. Ông Bùi Chiến Phong kiến thức và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực quản lý kinh doanh, xây dựng – bất động sản. Các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty.

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban Kiểm soát

- Thành viên của Ban Kiểm Soát:

Đặng Ngọc Khang - Trưởng Ban Kiểm soát

Trương Phương Loan - Thành viên Ban Kiểm soát

Lê Thị Thanh Nhân - Thành viên Ban kiểm soát.

- Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

STT	Danh sách	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Đặng Ngọc Khang	0,29	Không có
2.	Trương Phương Loan	0,005	Trưởng phòng ngân quỹ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Long Biên
3.	Lê Thị Thanh Nhân	0,12	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Phát triển công trình Viễn thông

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS) đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- ☞ Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đã được kiểm toán, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thời điểm 30/6/2014 được kiểm toán, báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thời điểm 31/12/2014 đã được kiểm toán về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo;
- ☞ Kiểm soát hoạt động: đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra, đánh giá các quy trình làm việc của các bộ phận và việc tuân thủ quy trình.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	SỐ BIÊN BẢN HỌP	NGÀY	NỘI DUNG
1.	2303-1/2015/BB-BKS	23/03/2015	- Tổng kết hoạt động năm 2014 và kế hoạch năm 2015; - Kiểm soát các Báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động
2.	1704-1/2015/BB-BKS	17/04/2015	- Thông qua kết quả kiểm soát báo cáo tài chính Quý I/2015 và kiểm soát hoạt động Quý I/2015 - Thông qua kế hoạch hoạt động của BKS Quý II/2015
3	1707-1/2015/BB-BKS	17/07/2015	- Thông qua kết quả kiểm soát Báo cáo tài chính Quý II/2015, BCTC 6 tháng đầu năm 2015 đã được kiểm toán; báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2015 đã được kiểm toán; - Sơ kết công tác kiểm soát hoạt động chủ yếu 6 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch triển khai hoạt động Quý III/2015 của BKS.
4	1610-1/2015/BB-BKS	16/10/2015	- Thông qua kết quả kiểm soát BCTC quý III/2015; - Sơ kết công tác kiểm soát hoạt động trong Quý III/2015 và kế hoạch triển khai hoạt động Quý IV/2015 của BKS.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
Theo quy định tại Điều lệ công ty, thù lao của HĐQT, BKS công ty do ĐHĐCĐ quyết định. Do Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 không đề cập đến nội dung thù lao của HĐQT và BKS, nên HĐQT và BKS công ty không có thù lao.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Trong Báo cáo kiểm toán độc lập số 02/2016/BCKT-BDO ngày 25/01/2016 do Công ty TNHH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Kiểm toán BDO phát hành, mục “Ý kiến của Kiểm toán viên” nêu: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

(Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
KIM LONG
HÀ HOÀI NAM



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
KIM LONG**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày
31/12/2015



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/7/2009; Quyết định số 277/UBCK-GP ngày 09/11/2009; Quyết định số 290/UBCK-GP ngày 24/12/2009; Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010. Hiện tại, Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- *Môi giới chứng khoán;*
- *Tự doanh chứng khoán;*
- *Tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Lưu ký chứng khoán.*

Công ty có trụ sở chính tại số 22 phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Công ty có 01 chi nhánh tại phòng 2, lầu 2, tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh và được thành lập theo Quyết định số 550/QĐ-UBCK ngày 26/8/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Ông Hà Hoài Nam | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Tấn Huy Bằng | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Vĩnh Thành | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Trần Văn Trọng | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Bùi Chiến Phong | Ủy viên Hội đồng quản trị |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| - Ông Phạm Vĩnh Thành | Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Đức Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Ngô Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Văn Trọng | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Bùi Quang Bách | Phó Tổng Giám đốc |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NĂM TÀI CHÍNH

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Đại diện cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc



PHẠM VINH THÀNH *h*

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long, được lập ngày 25/01/2016 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động của vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO****NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN**

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2013-038-1

NGUYỄN QUỲNH TRANG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.092.802.380.170	2.274.263.843.153
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	478.808.488.544	794.778.910.502
1. Tiền	111		147.608.488.544	359.578.910.502
2. Các khoản tương đương tiền	112		331.200.000.000	435.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.5	1.525.630.240.747	1.361.247.561.479
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.714.926.724.917	1.380.352.949.619
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(189.296.484.170)	(19.105.388.140)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.6	53.274.572.900	113.337.045.796
1. Phải thu khách hàng	131		1.152.000.000	1.146.998.725
2. Trả trước cho người bán	132		67.500.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		1.923.462.043	66.016.172.933
5. Các khoản phải thu khác	138		51.244.110.857	46.986.374.138
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.112.500.000)	(812.500.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Nguyên liệu, vật liệu	142		-	-
2. Công cụ dụng cụ	143		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.089.077.979	4.900.325.376
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.061.077.979	4.865.525.376
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		30.028.000.000	34.800.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279.740.541.248	312.658.203.268
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.892.885.303	2.653.441.917
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.892.885.303	2.653.441.917
- Nguyên giá	222		20.417.242.695	20.383.142.695
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(18.524.357.392)	(17.729.700.778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		7.033.462.200	7.033.462.200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.033.462.200)	(7.033.462.200)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		268.822.622.900	301.097.622.900
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.5	268.822.622.900	301.097.622.900
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.025.033.045	8.907.138.451
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3	305.077.587	386.898.205
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	V.4	5.053.829.555	4.854.114.343
4. Tài sản dài hạn khác	268		3.666.125.903	3.666.125.903
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.372.542.921.418	2.586.922.046.421

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		100.261.079.555	114.327.989.430
I. Nợ ngắn hạn	310		100.121.725.430	114.188.635.305
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		1.069.944.440	1.660.444.440
4. Thuế và các khoản phải nộp	314	V.9	825.645.991	4.979.357.252
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.10	447.449.842	411.138.039
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	446.718.744	1.472.450.631
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.12	77.078.631.544	88.598.309.517
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.253.334.869	17.066.935.426
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		139.354.125	139.354.125
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		139.354.125	139.354.125
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.272.281.841.863	2.472.594.056.991
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	2.272.281.841.863	2.472.594.056.991
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.025.000.000.000	2.025.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		444.716.419.000	444.716.419.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(176.470.680.000)	(176.470.680.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	418		45.168.134.848	30.689.298.322
<i>Dự trữ theo pháp định</i>			22.584.067.424	15.344.649.161
<i>Dự trữ theo điều lệ công ty chứng khoán</i>			22.584.067.424	15.344.649.161
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(66.132.031.985)	148.659.019.669
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.372.542.921.418	2.586.922.046.421

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		3.414,03	3.416,93
6. Chứng khoán lưu ký	006		2.484.102.160.000	1.863.001.590.000
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	007		2.041.385.760.000	1.499.241.680.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012		22.029.770.000	20.624.840.000
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	017		410.981.130.000	323.782.880.000
<i>Chứng khoán tạm giữ</i>	022		443.900.000	868.340.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027		9.261.600.000	18.343.850.000
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	032		-	-
<i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	038		-	140.000.000
<i>Chứng khoán kỹ quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042		-	-
<i>Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</i>	047		-	-
7. Chứng khoán LK công ty đại chúng chưa niêm yết	050		158.068.330.000	264.879.730.000
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	051		157.537.330.000	264.455.730.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	056		30.000.000	50.000.000
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	061		-	-
<i>Chứng khoán tạm giữ</i>	066		-	250.000.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	071		501.000.000	124.000.000
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	076		-	-
<i>Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</i>	081		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa LK của công ty chứng khoán	083		178.964.630.000	193.799.630.000
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-



TRẦN THỊ NGỌC ANH
Người lập



NGUYỄN THÙY LINH
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016

PHẠM VĨNH THÀNH
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

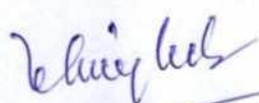
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu	01	VI.14	170.424.552.432	230.543.003.469
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>01.1</i>		<i>6.041.031.398</i>	<i>9.385.954.780</i>
<i>Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn</i>	<i>01.2</i>		<i>82.588.538.572</i>	<i>88.883.276.820</i>
<i>Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán</i>	<i>01.3</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán</i>	<i>01.4</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn</i>	<i>01.5</i>		<i>2.332.363.636</i>	<i>1.420.636.364</i>
<i>Doanh thu lưu ký chứng khoán</i>	<i>01.6</i>		<i>1.006.772.957</i>	<i>981.208.591</i>
<i>Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư</i>	<i>01.7</i>		<i>48.394.158</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản</i>	<i>01.8</i>		<i>646.349.091</i>	<i>626.858.091</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>01.9</i>		<i>77.761.102.620</i>	<i>129.245.068.823</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.14	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	VI.14	170.424.552.432	230.543.003.469
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	218.006.301.572	28.264.146.402
<i>- Trong đó: Dự phòng giảm giá chứng khoán</i>			<i>170.191.096.030</i>	<i>(12.789.808.980)</i>
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(47.581.749.140)	202.278.857.067
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.811.815.030	22.189.625.680
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(68.393.564.170)	180.089.231.387
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(68.393.564.170)	180.089.231.387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.16	-	35.300.866.117
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(68.393.564.170)	144.788.365.270
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.17	(375,27)	794,45

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016



TRẦN THỊ NGỌC ANH
Người lập



NGUYỄN THÙY LINH
Kế toán trưởng




PHẠM VĨNH THÀNH
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	268.006.578.813	357.267.438.640
2. Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	02	(1.028.875.534.952)	(101.296.407.246)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(463.253.354)	(724.385.199)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	983.850.848.644	1.328.945.338.797
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(995.092.783.145)	(1.318.342.216.257)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	-	-
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	-	(61.000.420.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	10	(1.589.217.266)	(2.196.938.350)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(24.201.985.789)	(24.071.734.646)
10. Tiền chi trả lãi vay	12	-	-
11. Tiền chi nộp thuế TNDN	13	(4.031.047.893)	(40.791.707.894)
12. Tiền thu khác	14	122.161.906.405	163.439.775.335
13. Tiền chi khác	15	(159.100.964.195)	(18.200.391.846)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(839.335.452.732)	283.028.351.334
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.100.000)	(1.848.980.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.010.000.000.000)	(2.575.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.530.000.000.000	2.265.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	130.961.070.014	110.738.035.328
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	650.926.970.014	(201.110.944.672)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(127.565.594.050)	(138.800.944.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(127.565.594.050)	(138.800.944.280)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(315.974.076.768)	(56.883.537.618)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	794.778.910.502	851.661.441.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.654.810	1.006.627
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	478.808.488.544	794.778.910.502



TRẦN THỊ NGỌC ANH
Người lập



NGUYỄN THỦY LINH
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016



PHẠM VĨNH THÀNH
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của CSH	V.15	2.025.000.000.000	2.025.000.000.000	-	-	-	-	2.025.000.000.000	2.025.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	V.15	444.716.419.000	444.716.419.000	-	-	-	-	444.716.419.000	444.716.419.000
3. Vốn khác của CSH	V.15	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	V.15	(176.470.680.000)	(176.470.680.000)	-	-	-	-	(176.470.680.000)	(176.470.680.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại TS	V.15	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.15	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	V.15	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	V.15	16.854.819.336	30.689.298.322	13.834.478.986	-	14.478.836.526	-	30.689.298.322	45.168.134.848
9. Các quỹ khác thuộc VCSH	V.15	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa PP	V.15	170.422.372.878	148.659.019.669	144.788.365.270	166.551.718.479	(68.393.564.170)	146.397.487.484	148.659.019.669	(66.132.031.985)
CỘNG		2.480.522.931.214	2.472.594.056.991	158.622.844.256	166.551.718.479	(53.914.727.644)	146.397.487.484	2.472.594.056.991	2.272.281.841.863

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016



TRẦN THỊ NGỌC ANH
Người lập



NGUYỄN THỦY LINH
Kế toán trưởng




PHẠM VĨNH THÀNH
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/7/2009; Quyết định số 277/UBCK-GP ngày 09/11/2009; Quyết định số 290/UBCK-GP ngày 24/12/2009; Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010. Hiện tại, Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở tại số 22 phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Công ty có 01 chi nhánh tại phòng 2, lầu 2, tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh và được thành lập theo Quyết định số 550/QĐ-UBCK ngày 26/8/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đến ngày 31/12/2015, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 87 người, trong đó cán bộ quản lý là 24 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Niên độ kế toán của Công ty: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Máy móc thiết bị	07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định*Phần mềm vi tính*

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị phần mềm giao dịch chứng khoán mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc (*giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua*) trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận (nếu có). Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giá trị thị trường được sử dụng để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã niêm yết, là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với các chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng một tháng trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng của Hội sở chính, phí bảo hiểm xe ô tô có thời gian phân bổ 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ, giá trị các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn, chi phí may đồng phục và chi phí mua thẻ từ chấm công; cước đường truyền có thời gian phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ bao gồm tiền lãi phải trả cho nhà đầu tư, tiền điện, phí vệ sinh, phí lưu ký và chuyển khoản, phí chuyển phát nhanh, phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các sở giao dịch chứng khoán.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu, hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thu được thực tế so với giá mua lại cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại theo giá thực tế mua, bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch, thông tin. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ sau khi trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là số lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong năm và lợi nhuận chưa phân phối còn lại từ năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2014, chi tiết như sau:

Phần lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, được phân phối như sau:

- Trích 5% vào Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Trích 5% vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Trích 3% vào Quỹ phúc lợi;
- Chi trả cổ tức cho các cổ đông theo mức 700 đồng/1 cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là khoản thu nhập từ chênh lệch về mua, bán chứng khoán tự doanh của Công ty (*được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết*). Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi trái phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong năm tài chính được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu lưu ký chứng khoán

Doanh thu lưu ký chứng khoán là số phí Công ty được hưởng từ các hoạt động lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, doanh thu cho thuê văn phòng, doanh thu từ hoạt động ký quỹ, ứng trước tự động.... Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Thu nhập từ tiền cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Doanh thu từ hoạt động ký quỹ, ứng trước tự động... được ghi nhận trên cơ sở số phí được hưởng theo tỷ lệ mà Công ty đã công bố với khách hàng.

Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Trong thời hạn 10 năm kể từ khi thành lập, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% theo Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004. Sau thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi nêu trên, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

Năm tài chính 2015 là năm cuối cùng Công ty được áp dụng mức thuế suất TNDN là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu và trình bày*Tài sản tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt tại quỹ	40.142.608	38.816.708
Tiền gửi ngân hàng	147.568.345.936	359.540.093.794
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>76.526.741.684</i>	<i>83.855.443.870</i>
Các khoản tương đương tiền	331.200.000.000	435.200.000.000
Cộng	<u>478.808.488.544</u>	<u>794.778.910.502</u>

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	<u>Khối lượng CK giao dịch được thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị KL giao dịch thực hiện trong năm</u>
Của Công ty chứng khoán	63.017.581	1.354.546.890.702
Cổ phiếu	63.017.581	1.354.546.890.702
Trái phiếu	-	-
Của nhà đầu tư	244.994.009	2.912.105.288.900
Cổ phiếu	244.992.999	2.912.094.986.900
Trái phiếu	-	-
Chứng chỉ quỹ	1.010	10.302.000
Cộng	<u>308.011.590</u>	<u>4.266.652.179.602</u>

3. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	305.077.587	386.898.205
+ <i>Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ</i>	<i>129.049.363</i>	<i>228.438.520</i>
+ <i>Chi phí trả trước dài hạn khác</i>	<i>176.028.224</i>	<i>158.459.685</i>
Cộng	<u>305.077.587</u>	<u>386.898.205</u>

4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	4.518.753.767	4.055.500.413
Tiền lãi phân bổ hàng năm	415.075.788	678.613.930
Cộng	<u>5.053.829.555</u>	<u>4.854.114.343</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5. Tình hình đầu tư tài chính****5.1 Tình hình đầu tư tài chính**

Chi tiêu	Số lượng CK		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
A. Đầu tư ngắn hạn	45.553.065	5.534.944	1.714.926.724.917	1.380.352.949.619	16.977.148.553	3.650.866.521	189.296.484.170	19.105.388.140	1.542.607.389.300	1.364.898.428.000
<i>I. Chứng khoán thương mại</i>	<i>45.553.065</i>	<i>5.534.944</i>	<i>944.926.724.917</i>	<i>90.352.949.619</i>	<i>16.977.148.553</i>	<i>3.650.866.521</i>	<i>189.296.484.170</i>	<i>19.105.388.140</i>	<i>772.607.389.300</i>	<i>74.898.428.000</i>
<i>Cổ phiếu</i>	<i>45.553.065</i>	<i>5.534.944</i>	<i>944.926.724.917</i>	<i>90.352.949.619</i>	<i>16.977.148.553</i>	<i>3.650.866.521</i>	<i>189.296.484.170</i>	<i>19.105.388.140</i>	<i>772.607.389.300</i>	<i>74.898.428.000</i>
<i>Trái phiếu</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>II. Đầu tư tài chính khác</i>	-	-	<i>770.000.000.000</i>	<i>1.290.000.000.000</i>	-	-	-	-	<i>770.000.000.000</i>	<i>1.290.000.000.000</i>
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	-	-	<i>770.000.000.000</i>	<i>1.290.000.000.000</i>	-	-	-	-	<i>770.000.000.000</i>	<i>1.290.000.000.000</i>
B. Đầu tư dài hạn	17.896.463	19.379.963	268.822.622.900	301.097.622.900	-	-	-	-	268.822.622.900	301.097.622.900
<i>I. Chứng khoán đầu tư</i>	<i>17.896.463</i>	<i>19.379.963</i>	<i>268.822.622.900</i>	<i>301.097.622.900</i>	-	-	-	-	<i>268.822.622.900</i>	<i>301.097.622.900</i>
<i>1. Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>17.896.463</i>	<i>19.379.963</i>	<i>268.822.622.900</i>	<i>301.097.622.900</i>	-	-	-	-	<i>268.822.622.900</i>	<i>301.097.622.900</i>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết (*)</i>	<i>17.896.463</i>	<i>19.379.963</i>	<i>268.822.622.900</i>	<i>301.097.622.900</i>	-	-	-	-	<i>268.822.622.900</i>	<i>301.097.622.900</i>
<i>II. Đầu tư dài hạn khác</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

(*): Tại ngày 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện đánh giá lại danh mục chứng khoán chưa niêm yết theo giá thị trường do các chứng khoán này không có giao dịch thực tế phát sinh nên chưa có cơ sở xác định giá thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.2 Dự phòng giảm giá chứng khoán**

<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giảm so với giá thị trường</i>	<i>Tổng giá trị thị trường</i>
BCC	1.191.200	18.693.130.000	(2.731.050.000)	15.962.080.000
CSM	200.000	5.652.848.000	(712.848.000)	4.940.000.000
CTG	2.916.610	57.692.640.620	(3.443.694.620)	54.248.946.000
DCS	475.000	2.617.640.000	(1.002.640.000)	1.615.000.000
FCM	308.480	3.182.560.000	(1.177.440.000)	2.005.120.000
GAS	1.435.340	82.537.027.940	(30.577.719.940)	51.959.308.000
HPG	2.896.640	86.978.412.300	(2.396.524.300)	84.581.888.000
HQC	500.000	3.090.000.000	(440.000.000)	2.650.000.000
HUI	57.850	912.005.250	(478.130.250)	433.875.000
ICG	200.000	2.061.343.000	(881.343.000)	1.180.000.000
IJC	922.580	8.954.657.000	(2.312.081.000)	6.642.576.000
ITA	500.004	3.439.386.560	(639.364.160)	2.800.022.400
ITC	614.610	6.666.505.710	(1.503.781.710)	5.162.724.000
KDC	800.000	30.383.583.000	(10.943.583.000)	19.440.000.000
LCG	420.000	4.178.429.110	(1.238.429.110)	2.940.000.000
MCG	610.000	3.870.750.000	(1.369.750.000)	2.501.000.000
NTL	750.000	11.457.751.800	(2.082.751.800)	9.375.000.000
PGS	450.100	8.997.929.100	(1.121.179.100)	7.876.750.000
PHR	362.290	12.591.533.950	(6.686.206.950)	5.905.327.000
PPC	1.116.106	22.007.806.160	(1.583.066.360)	20.424.739.800
PVB	150.000	4.675.098.600	(475.098.600)	4.200.000.000
PVD	3.506.660	143.158.944.200	(50.232.454.200)	92.926.490.000
PVG	307.600	4.466.455.000	(1.974.895.000)	2.491.560.000
PVS	5.040.000	111.298.483.100	(27.130.483.100)	84.168.000.000
PVT	1.450.000	17.701.300.000	(2.911.300.000)	14.790.000.000
QCG	400.000	4.629.178.210	(2.589.178.210)	2.040.000.000
SD5	420.800	6.644.870.000	(1.174.470.000)	5.470.400.000
SHG	1.000.000	21.000.000.000	(16.900.000.000)	4.100.000.000
TLH	819.000	5.325.500.000	(1.967.600.000)	3.357.900.000
TNC	278.000	5.542.816.000	(2.874.016.000)	2.668.800.000
VCG	3.825.200	47.677.031.200	(4.452.271.200)	43.224.760.000
VIS	1.089.320	10.513.810.060	(2.126.046.060)	8.387.764.000
Các chứng khoán khác	597.045	6.130.837.100	(1.167.088.500)	4.963.748.600
Cộng	35.610.435	764.730.262.970	(189.296.484.170)	575.433.778.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu năm			Phát sinh trong năm		Số cuối năm			
	Tổng số	Số quá hạn	DP đã lập	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	DP đã lập
1. Phải thu của khách hàng	1.146.998.725	1.112.500.000	812.500.000	2.100.478.158	2.095.476.883	1.152.000.000	1.112.500.000	-	1.112.500.000
2. Trả trước cho người bán	-	-	-	1.573.817.266	1.506.317.266	67.500.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch CK	66.016.172.933	-	-	692.807.181.192	756.899.892.082	1.923.462.043	-	-	-
+ Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán	4.792.191.000	-	-	687.397.504.410	690.440.383.410	1.749.312.000	-	-	-
+ Phải thu của khách hàng về GDCK	204.051.967	-	-	4.072.858.250	4.113.429.574	163.480.643	-	-	-
+ Phải thu của tổ chức phát hành CK	61.000.000.000	-	-	59.475.000	61.059.475.000	-	-	-	-
+ Phải thu KH về thuế TNCN từ HĐ chuyển nhượng CK	19.929.966	-	-	1.277.343.532	1.286.604.098	10.669.400	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác (*)	46.986.374.138	-	-	833.116.530.770	828.858.794.051	51.244.110.857	-	-	-
Cộng	114.149.545.796	1.112.500.000	812.500.000	1.529.598.007.386	1.589.360.480.282	54.387.072.900	1.112.500.000	-	1.112.500.000

(*) Chi tiết khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2015:

	Số tiền
Phải thu khách hàng chấp nhận quyền nhận tiền bán CK	4.991.110.862
Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ chứng khoán	28.889.516.528
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.233.758.752
Dự thu cổ tức năm 2015	755.935.000
Dự thu lãi quỹ hỗ trợ thanh toán	298.789.715
Phải thu khác	75.000.000
Cộng	51.244.110.857

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(812.500.000)	(703.750.000)
Số trích lập trong năm	(300.000.000)	(233.750.000)
Số hoàn nhập trong năm	-	125.000.000
Số dư cuối năm	(1.112.500.000)	(812.500.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	-	1.669.480.884	3.934.501.830	14.336.756.583	442.403.398	20.383.142.695
Mua trong năm	-	-	-	34.100.000	-	34.100.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	1.669.480.884	3.934.501.830	14.370.856.583	442.403.398	20.417.242.695
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	-	1.571.018.653	1.735.056.935	14.018.996.014	404.629.176	17.729.700.778
Khấu hao trong năm	-	98.462.231	504.543.546	168.660.628	22.990.209	794.656.614
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	1.669.480.884	2.239.600.481	14.187.656.642	427.619.385	18.524.357.392
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	-	98.462.231	2.199.444.895	317.760.569	37.774.222	2.653.441.917
Tại ngày 31/12/2015	-	-	1.694.901.349	183.199.941	14.784.013	1.892.885.303

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

15.629.535.570 đồng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

- đồng

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:

- đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Phân mềm giao dịch</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	7.033.462.200	-	7.033.462.200
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	7.033.462.200	-	7.033.462.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	7.033.462.200	-	7.033.462.200
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	7.033.462.200	-	7.033.462.200
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế giá trị gia tăng	82.910.206	41.314.892
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.031.047.893
Thuế thu nhập cá nhân	742.735.785	906.994.467
Cộng	825.645.991	4.979.357.252

10. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
Phí lưu ký và chuyển khoản chứng khoán	123.441.962	93.396.157
Phí giao dịch chứng khoán	100.699.404	107.989.765
Lãi phải thanh toán cho nhà đầu tư	71.658.265	80.258.344
Chi phí phải trả khác	151.650.211	129.493.773
Cộng	447.449.842	411.138.039

11. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	394.901.100	376.599.800
Các khoản phải trả phải nộp khác	51.817.644	1.095.850.831
+ Thuế TNCN của nhà đầu tư đã nhận cổ tức	442.910	1.056.813.294
+ Khoản phải trả khác	51.374.734	39.037.537
Cộng	446.718.744	1.472.450.631

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	-	-
Phải trả vay Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	-	-
Phải trả về chứng khoán giao nhận, đại lý phát hành	-	-
Phải trả trung tâm Lưu ký chứng khoán	2.437.931.000	10.573.950.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	74.640.700.544	78.024.359.517
Cộng	77.078.631.544	88.598.309.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

13. *Vốn chủ sở hữu*

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Vốn khác của CSH</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	2.025.000.000.000	444.716.419.000	(176.470.680.000)	-	-	16.854.819.336	170.422.372.878	2.480.522.931.214
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	144.788.365.270	144.788.365.270
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	(145.800.000.000)	(145.800.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	13.834.478.986	(20.751.718.479)	(6.917.239.493)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	2.025.000.000.000	444.716.419.000	(176.470.680.000)	-	-	30.689.298.322	148.659.019.669	2.472.594.056.991
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(68.393.564.170)	(68.393.564.170)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	(127.575.000.000)	(127.575.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	-	14.478.836.526	(18.822.487.484)	(4.343.650.958)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.025.000.000.000	444.716.419.000	(176.470.680.000)	-	-	45.168.134.848	(66.132.031.985)	2.272.281.841.863

(*): Trong năm, Công ty đang thực hiện phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2014 theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên với tỷ lệ trích 5% vào quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, 3% vào quỹ phúc lợi và chi cổ tức cho các cổ đông theo mức 700 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

	31/12/2015			01/01/2015		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông	2.025.000.000.000	2.025.000.000.000	-	2.025.000.000.000	2.025.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	444.716.419.000	444.716.419.000	-	444.716.419.000	444.716.419.000	-
Cổ phiếu quỹ	(176.470.680.000)	(176.470.680.000)	-	(176.470.680.000)	(176.470.680.000)	-
Cộng	2.293.245.739.000	2.293.245.739.000	-	2.293.245.739.000	2.293.245.739.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2015	Năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.025.000.000.000	2.025.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.025.000.000.000	2.025.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	127.575.000.000	145.800.000.000

Cổ phiếu:

	Năm 2015	Năm 2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	202.500.000	202.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	202.500.000	202.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	202.500.000	202.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.250.000	20.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.250.000	20.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	182.250.000	182.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	182.250.000	182.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

14. Doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	170.424.552.432	230.543.003.469
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	6.041.031.398	9.385.954.780
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	82.588.538.572	88.883.276.820
+ Cổ tức	46.863.949.800	4.145.569.600
+ Lãi do bán CK, thanh lý khoản đầu tư	35.724.588.772	84.737.707.220
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	2.332.363.636	1.420.636.364
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	1.006.772.957	981.208.591
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	48.394.158	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	646.349.091	626.858.091
Doanh thu khác	77.761.102.620	129.245.068.823
+ Lãi tiền gửi	75.029.588.246	126.876.251.825
+ Doanh thu khác	2.731.514.374	2.368.816.998
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	170.424.552.432	230.543.003.469

15. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí môi giới, lưu ký chứng khoán	3.172.601.477	3.319.277.566
Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	11.724.167.610	3.542.980.700
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	170.191.096.030	(12.789.808.980)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	797.359.272	1.336.347.334
+ Chi phí lãi vay	-	-
+ Chi phí trả lãi cho nhà đầu tư	797.359.272	1.336.347.334
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	32.121.077.183	32.855.349.782
+ Chi phí nhân viên	11.196.465.830	10.992.543.603
+ Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	621.309.500	1.252.590.973
+ Chi phí khấu hao và phân bổ	649.373.679	1.005.149.713
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.343.978.661	17.626.879.593
+ Chi phí khác	309.949.513	1.978.185.900
Cộng	218.006.301.572	28.264.146.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm nay	-	35.300.866.117
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	-
Cộng	-	35.300.866.117

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty phát sinh trong năm:

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	(68.393.564.170)	180.089.231.387
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	(46.867.604.610)	(3.584.900.799)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	561.675.428
Các khoản phạt	-	-
Chi phí quảng cáo vượt quá mức cho phép	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	-	561.675.428
Doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-	-
Chi phí đã được khấu trừ thuế từ các năm trước	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(46.867.604.610)	(4.146.576.227)
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(46.867.604.610)	(4.146.576.227)
<i>Cổ tức</i>	<i>(46.863.949.800)</i>	<i>(4.145.569.600)</i>
<i>Đánh giá CLTG của tiền gửi có gốc ngoại tệ</i>	<i>(3.654.810)</i>	<i>(1.006.627)</i>
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của (các) kỳ trước	-	-
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	(115.261.168.780)	176.504.330.588
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	(115.261.168.780)	176.504.330.588
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	-	35.300.866.117
Thuế TNDN phải trả đầu năm	4.031.047.893	9.521.889.671
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.031.047.893)	(40.791.707.894)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	4.031.047.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính hoặc do thiếu thông tin về thị trường.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(68.393.564.170)	144.788.365.270
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	(68.393.564.170)	144.788.365.270
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	182.250.000	182.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(375,27)	794,45

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	182.250.000	182.250.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ bình quân mua lại trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	182.250.000	182.250.000

VII. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết là VND 755.630.240.747 (ngày 31/12/2014 là VND 71.247.561.479). Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Công ty không có khoản phải thu nào bị quá hạn hay có nguy cơ bị tổn thất tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Không kỳ hạn	Đến 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	944.926.724.917	-	-	-	944.926.724.917
Chứng khoán thương mại	944.926.724.917	-	-	-	944.926.724.917
Cổ phiếu niêm yết	944.926.724.917	-	-	-	944.926.724.917
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	770.000.000.000	-	770.000.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu	-	37.524.591.925	15.749.980.975	1.112.500.000	54.387.072.900
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	268.822.622.900	-	-	-	268.822.622.900
Chứng khoán sẵn sàng để bán	268.822.622.900	-	-	-	268.822.622.900
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	268.822.622.900	-	-	-	268.822.622.900
Trái phiếu	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	147.608.488.544	331.200.000.000	-	-	478.808.488.544
CỘNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH	1.361.357.836.361	368.724.591.925	785.749.980.975	1.112.500.000	2.516.944.909.261
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH					
Vay và nợ	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	77.078.631.544	-	-	77.078.631.544
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	447.449.842	-	-	447.449.842
Các khoản phải trả, phải nộp khác	446.718.744	-	-	139.354.125	586.072.869
CỘNG NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH	446.718.744	77.526.081.386	-	139.354.125	78.112.154.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****2. Thời gian đáo hạn của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Tiếp theo)**

Ngày 01 tháng 01 năm 2015	Không kỳ hạn	Đến 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	90.352.949.619	-	-	-	90.352.949.619
Chứng khoán thương mại	90.352.949.619	-	-	-	90.352.949.619
Cổ phiếu niêm yết	90.352.949.619	-	-	-	90.352.949.619
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	1.290.000.000.000	-	1.290.000.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu	-	83.363.412.478	29.673.633.318	1.112.500.000	114.149.545.796
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301.097.622.900	-	-	-	301.097.622.900
Chứng khoán sẵn sàng để bán	301.097.622.900	-	-	-	301.097.622.900
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	301.097.622.900	-	-	-	301.097.622.900
Trái phiếu	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	359.578.910.502	435.200.000.000	-	-	794.778.910.502
CỘNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH	751.029.483.021	518.563.412.478	1.319.673.633.318	1.112.500.000	2.590.379.028.817
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH					
Vay và nợ	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	88.598.309.517	-	-	88.598.309.517
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	411.138.039	-	-	411.138.039
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.472.450.631	-	-	139.354.125	1.611.804.756
CỘNG NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH	1.472.450.631	89.009.447.556	-	139.354.125	90.621.252.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****3. So sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính**

TÀI SẢN TÀI CHÍNH	GIÁ TRỊ GHI SỔ				GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015	01/01/2015
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	944.926.724.917	(189.296.484.170)	90.352.949.619	(19.105.388.140)	755.630.240.747	71.247.561.479
Chứng khoán thương mại	944.926.724.917	(189.296.484.170)	90.352.949.619	(19.105.388.140)	755.630.240.747	71.247.561.479
Cổ phiếu niêm yết	944.926.724.917	(189.296.484.170)	90.352.949.619	(19.105.388.140)	755.630.240.747	71.247.561.479
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	770.000.000.000	-	1.290.000.000.000	-	770.000.000.000	1.290.000.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu	54.387.072.900	(1.112.500.000)	114.149.545.796	(812.500.000)	53.274.572.900	113.337.045.796
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	268.822.622.900	-	301.097.622.900	-	268.822.622.900	301.097.622.900
Chứng khoán sẵn sàng để bán	268.822.622.900	-	301.097.622.900	-	268.822.622.900	301.097.622.900
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	268.822.622.900	-	301.097.622.900	-	268.822.622.900	301.097.622.900
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Tiền mặt	478.808.488.544	-	794.778.910.502	-	478.808.488.544	794.778.910.502
CỘNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH	2.516.944.909.261	(190.408.984.170)	2.590.379.028.817	(19.917.888.140)	2.326.535.925.091	2.570.461.140.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VII. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

3. So sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Tiếp theo)

NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH	GIÁ TRỊ GHI SỔ				GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
	31/12/2015		01/01/2015		31/12/2015	01/01/2015
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Vay và nợ	-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	77.078.631.544	-	88.598.309.517	-	77.078.631.544	88.598.309.517
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	447.449.842	-	411.138.039	-	447.449.842	411.138.039
Các khoản phải trả, phải nộp khác	586.072.869	-	1.611.804.756	-	586.072.869	1.611.804.756
CỘNG NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH	78.112.154.255	-	90.621.252.312	-	78.112.154.255	90.621.252.312

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn khác và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi tại ngày lập báo cáo
- Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết được xác định dựa trên giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính 2015, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty được nhận biết là bên liên quan đến Công ty.

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty phát sinh trong năm (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc), chi tiết như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương và phụ cấp	7.061.240.453	7.271.981.862
Tiền thưởng	-	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	7.061.240.453	7.271.981.862

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

TRẦN THỊ NGỌC ANH
Người lập

NGUYỄN THÙY LINH
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016

PHẠM VĨNH THÀNH
Tổng Giám đốc